



Số 04-2018 (16)

# KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN TỈNH LÂM ĐỒNG



- ✿ **Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư và thương mại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**
- ✿ **Trình diễn 500 sản phẩm công nghệ có tính ứng dụng cao trong thực tế**
- ✿ **Kết quả 3 năm triển khai dự án Nâng cao năng suất, chất lượng giai đoạn 2016-2020**
- ✿ **Nộp thuế điện tử và thông quan 24/7: Thuận lợi - Chính xác - An toàn**



# SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ & DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

Số 04-2018

## TRONG SỐ NÀY

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG - TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN**  
Địa chỉ: Số 35 Trần Hưng Đạo - Đà Lạt - Điện thoại: 0263.3545479 - 0263.3833163 - Email: trungtamthongtin@lamdongdost.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

**Đỗ Minh Ngọc**

Biên tập

**Ngô Đình Văn Châu**

**Trần Vũ Uyên Phương**

**Nguyễn Thị Đỗ Quyên**

**Phạm Thị Nhâm**

Trình bày:

**Trung tâm Thông tin  
và Thống kê KH&CN**

Ảnh bìa:

**Công ty TNHH MTV**

**Vắc xin Pasteur Đà Lạt**

### CHÍNH SÁCH - ĐỊNH HƯỚNG

- 1 Các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
- 4 **Long Châu** - Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư và thương mại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
- 5 **Dương Thị Lệ Quyên** - Tình hình triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
- 7 Trình diễn 500 sản phẩm công nghệ có tính ứng dụng cao trong thực tế
- 8 **Phạm Thị Nhâm** - Kết quả 3 năm triển khai dự án Nâng cao năng suất, chất lượng giai đoạn 2016-2020
- 10 **Phạm Văn Trung** - Nộp thuế điện tử và thông quan 24/7: Thuận lợi - Chính xác - An toàn

### HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

- 11 Ứng dụng của mã số, mã vạch hàng hóa
- 12 Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Lâm Đồng với hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp
- 14 Sơ kết dự án nâng cao năng suất, chất lượng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020
- 12 **Nguyễn Thị Lệ Hương** - Hỗ trợ doanh nghiệp Lâm Đồng kết nối chuỗi cung ứng toàn cầu
- 17 **Nhật Quân** - Kỳ vọng chuỗi Laba
- 18 Công nghệ mới, sản phẩm mới
- 19 Tin cảnh báo từ các nước thành viên WTO

### KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI

- 21 Tư duy dựa trên rủi ro trong ISO 9001:2015 giúp nâng cao năng suất, chất lượng
- 22 Gần 20.000 tiêu chuẩn quản lý chất lượng đã được ban hành

### DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

- 22 Danh sách các công ty cà phê được chứng nhận UTZ (tính đến 31/9/2018)
- 23 Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao



## CÁC CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Ngày 17/4/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 57/2018/NĐ-CP quy định một số cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung của Nhà nước và quy định trình tự, thủ tục thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

### Các chính sách ưu đãi và hỗ trợ

#### Miễn, giảm tiền sử dụng đất

Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp (đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư và khuyến khích đầu tư) được Nhà nước giao đất hoặc được chuyển mục đích đất để làm nhà ở cho người lao động theo quy định tại Điều 55 Luật Đất đai được miễn tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất được chuyển mục đích để xây dựng nhà ở cho người lao động làm việc tại dự án; được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích đất đó sau khi được chuyển đổi.

#### Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước

1. Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư và khuyến khích đầu tư khi thuê đất, mặt nước của Nhà nước được áp dụng mức giá đất ưu đãi do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định; giá thuê đất, mặt nước ổn định tối thiểu 5 năm.

2. Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thì dự án được miễn tiền thuê đất, mặt nước kể từ ngày Nhà nước cho thuê đất, mặt nước.

3. Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư thì dự án được miễn tiền thuê đất, mặt nước trong 15 năm đầu kể từ ngày Nhà nước cho thuê đất, mặt nước; giảm 50% tiền thuê đất, mặt nước trong 7 năm tiếp theo.

4. Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư thì dự án được miễn tiền thuê đất, mặt nước trong 11 năm đầu kể từ ngày Nhà nước cho thuê đất, mặt nước; giảm 50% tiền thuê đất, mặt nước trong 5 năm tiếp theo.

5. Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp (đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư, khuyến khích

đầu tư) được Nhà nước cho thuê đất xây dựng nhà ở cho người lao động của dự án, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa, sân phơi, đường giao thông, cây xanh) kể cả đất được phép chuyển mục đích sang các loại đất quy định để phục vụ dự án thì được miễn tiền thuê đất.

6. Doanh nghiệp nông nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập được miễn tiền thuê đất, mặt nước của Nhà nước trong 5 năm đầu kể từ ngày dự án hoàn thành, đi vào hoạt động; giảm 50% tiền thuê đất, mặt nước trong 10 năm tiếp theo.

#### Hỗ trợ tập trung đất đai

1. Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thuê, thuê lại đất, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước hỗ trợ kinh phí tương đương với 20% tiền thuê đất, mặt nước cho 5 năm đầu kể từ khi dự án hoàn thành, đi vào hoạt động; giá thuê đất, thuê mặt nước theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2. Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp (đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư và khuyến khích đầu tư) nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để hình thành vùng nguyên liệu được Nhà nước hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu với mức hỗ trợ 50 triệu đồng/ha, nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án và không phải chuyển sang thuê đất đối với diện tích đất nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

3. Doanh nghiệp tập trung đất đai bằng các hình thức quy định như trên được Nhà nước hỗ trợ bằng tổng các hỗ trợ theo quy định tại từng khoản nêu trên.

4. Trong chu kỳ thuê đất của doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, Nhà nước không điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm ảnh hưởng đến dự án. Trừ trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, 62 Luật Đất đai và các trường hợp đặc biệt phải điều chỉnh kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 46 Luật Đất đai.

5. Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng đất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản xây dựng các nhà máy chế biến nông sản, cơ sở hạ tầng



đi kèm (kho chứa, trụ sở, đường nội bộ, hệ thống xử lý chất thải). Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, xây dựng theo quy định của Luật Đất đai và Luật Xây dựng.

### **Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao**

1. Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học; mua bản quyền công nghệ, công nghệ hoặc kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ; đầu tư công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng:

a) *Mức hỗ trợ*: 80% kinh phí thực hiện nhưng không quá 300 triệu đồng/đề tài, bản quyền, công nghệ.

#### *b) Điều kiện hỗ trợ*

- Doanh nghiệp có doanh thu năm trước tối thiểu bằng 10 lần mức hỗ trợ.

- Các bản quyền, công nghệ mà doanh nghiệp đề xuất mua phải phù hợp với định hướng phát triển sản xuất của doanh nghiệp đã đăng ký.

- Trường hợp đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng trong thực tế sẽ được thanh toán bằng mức hỗ trợ; ngược lại được thanh toán bằng 50% mức hỗ trợ.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm phục vụ áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao, sản xuất sản phẩm mới:

a) Ưu tiên các doanh nghiệp tham gia, chủ trì các dự án, nhiệm vụ (sau đây gọi là dự án) khoa học và công nghệ (KH&CN) có sử dụng ngân sách nhà nước.

- Doanh nghiệp được mời tham gia phối hợp thực hiện các nội dung của dự án KH&CN hoặc xây dựng mô hình thuộc nhiệm vụ KH&CN triển khai tại địa phương doanh nghiệp đăng ký kinh doanh;

- Đề xuất đặt hàng dự án của doanh nghiệp được xem xét ưu tiên phê duyệt triển khai thực hiện theo hình thức xét chọn hoặc giao trực tiếp;

- Doanh nghiệp có nguồn gen quý hiếm được ưu tiên thực hiện dự án quỹ gen cấp quốc gia để phát triển thành sản phẩm thương mại.

b) *Mức hỗ trợ*: 70% kinh phí thực hiện nhiệm vụ đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư; 50% kinh phí đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư và khuyến khích đầu tư nhưng không quá 1 tỷ đồng.

#### *c) Điều kiện hỗ trợ*

- Dự án sản xuất sản phẩm mới, thử nghiệm, công nghệ cao. Có văn bản thống nhất của cơ quan quản lý khoa học thuộc cấp Bộ hoặc UBND cấp tỉnh.

- Nhiệm vụ đề xuất hỗ trợ có nội dung phù hợp với định hướng phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp được giao toàn bộ quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ sau khi các nhiệm vụ KH&CN được nghiệm thu và ưu tiên triển khai sản phẩm KH&CN:

a) Doanh nghiệp chủ trì đề tài KH&CN, dự án có sử dụng ngân sách nhà nước chọn, tạo được giống cây trồng, vật nuôi, nghiệm thu từ mức đạt trở lên được phép triển khai nhân rộng trong thời gian 3 năm kể từ khi nghiệm thu kết thúc dự án.

b) Doanh nghiệp chủ trì đề tài KH&CN, dự án có sử dụng ngân sách nhà nước tạo ra các sản phẩm mới được thị trường chấp nhận; nghiệm thu từ mức đạt trở lên được phép triển khai nhân rộng trong thời gian 2 năm kể từ khi nghiệm thu kết thúc dự án.

c) Doanh nghiệp chủ trì đề tài KH&CN, dự án có sử dụng ngân sách nhà nước, có phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025, các kết quả kiểm nghiệm về tiêu chuẩn sản phẩm của doanh nghiệp được chấp nhận khi đăng ký lưu hành sản phẩm tại các cơ quan chức năng theo chuyên môn.

4. Doanh nghiệp có dự án nhân giống cây trồng bằng công nghệ nuôi cấy mô được hỗ trợ như sau:

a) *Mức hỗ trợ*: 80% kinh phí đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường, nhưng không quá 5 tỷ đồng/dự án.

b) *Điều kiện hỗ trợ*: quy mô từ 1 triệu cây/năm trở lên. Trường hợp quy mô dự án tăng, mức hỗ trợ tăng tương ứng nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án.

5. Hỗ trợ 70% chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường, cây giống nhưng không quá 3 tỷ đồng/dự án đối với doanh nghiệp có dự án sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; trồng thử nghiệm cây trồng mới có giá trị kinh tế cao được UBND cấp tỉnh phê duyệt.

6. Doanh nghiệp đầu tư các khu, vùng, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/ha để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường.

5. Hỗ trợ xây dựng nhà ở xã hội cho người lao động: doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn có 100 lao động trở lên làm việc thường xuyên tại nhà máy, được hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người lao động với mức hỗ trợ 1 triệu đồng/m<sup>2</sup> xây dựng đối với nhà cấp IV; 2 triệu đồng/m<sup>2</sup> xây dựng đối với nhà 2 tầng trở lên. ■

(Còn tiếp)



# ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

## LONG CHÂU

### Hoạt động của doanh nghiệp

9 tháng đầu năm 2018, trên địa bàn tỉnh, có 769 doanh nghiệp đăng ký mới với tổng số vốn 8.455,3 tỷ đồng, tăng 11,8% về số lượng và 103,3% về số vốn đăng ký; đạt bình quân 9,2 tỷ đồng/doanh nghiệp, tăng 87,8% so với cùng kỳ.

Đến ngày 30/9/2018, có 7.862 doanh nghiệp còn tư cách pháp nhân với tổng số vốn đăng ký 60.972 tỷ đồng.

Về cơ cấu ngành nghề: doanh nghiệp nông - lâm nghiệp chiếm 7,27%; dịch vụ 11,04%; công nghiệp - xây dựng 21,11%; thương mại và dịch vụ 48,39%; ngành nghề khác 12,19%.

Tỷ trọng đóng góp vào tăng trưởng GDP của tỉnh gồm: nông - lâm nghiệp chiếm 1,81%; công nghiệp - xây dựng chiếm 1,82%; dịch vụ 4,29%; các lĩnh vực khác 0,24%. Đã tạo việc làm cho khoảng 763.000 lao động với thu nhập bình quân 54,16 triệu đồng/người/năm. Giá trị kim ngạch xuất khẩu 9 tháng đầu năm là 499,3 triệu USD. Các doanh nghiệp đóng góp khoảng 53,61% vào tổng thu ngân sách của tỉnh.

### Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp

Thực hiện cam kết cải thiện môi trường kinh doanh, UBND tỉnh Lâm Đồng đã chỉ đạo các cấp, ngành tích cực triển khai các biện pháp về cải cách thủ tục hành chính; đến nay, đã đạt nhiều kết quả khả quan, đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp, nhà đầu tư. Cụ thể:

- Thời gian giải quyết các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đăng ký và thành lập doanh nghiệp rút xuống còn 2 ngày làm việc;

- Thời gian thỏa thuận vị trí cột/trạm điện và hành lang lưới điện được thực hiện tối đa trong 10 ngày; thời gian cấp phép thi công 7 ngày; thời gian thỏa thuận đấu nối và hợp đồng mua điện còn 7 ngày (tổng thời gian thực hiện tối đa là 24 ngày, giảm 6 ngày so với quy định 30 ngày);

- Thời gian nộp thuế hiện nay được rút ngắn còn 117 giờ/năm;

- Bảo hiểm xã hội Lâm Đồng đạt chỉ tiêu thời gian giao dịch giữa các doanh nghiệp với ngành Bảo hiểm theo quy định là 45 giờ/năm vào năm 2020;

- Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng đã triển khai cho doanh nghiệp kê khai điện tử đạt trên 99%;

- Tỷ lệ đăng ký nộp thuế điện tử tại ngân hàng thương mại tính trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động đạt 97,24%;

- Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử tính trên tổng số doanh nghiệp nộp thuế đạt 85,46%;

- Công khai cơ sở dữ liệu về hoàn thuế, đảm bảo tối thiểu 90% đối tượng được hoàn thuế đúng thời gian quy định;

- Thời gian thẩm định và cấp phép xây dựng tối đa là 50 ngày, trong đó thời gian cấp phép là 20 ngày (giảm 10 ngày so với quy định);

- Thời gian hoàn thành thủ tục xuất khẩu giảm xuống dưới 10 ngày và thời gian hoàn thành thủ tục nhập khẩu xuống dưới 12 ngày.

Như vậy, tỉnh Lâm Đồng đã thực hiện được mục tiêu và lộ trình cải thiện môi trường kinh doanh mà UBND tỉnh đã cam kết với doanh nghiệp.

### Hoạt động xúc tiến đầu tư

Nhằm đổi mới phương thức và nội dung xúc tiến đầu tư đúng trọng tâm, trọng điểm, phát huy những lợi thế sẵn có để phát triển bền vững; tăng cường công tác xúc tiến đầu tư tại chỗ, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao tính chuyên nghiệp, chất lượng của hoạt động xúc tiến đầu tư, năm 2018, tỉnh Lâm Đồng tập trung vào các mục tiêu cải thiện, nâng cao chất lượng điều hành của bộ máy chính quyền, lấy cải cách hành chính là khâu đột phá, tạo sự chuyển biến căn bản về chất lượng bộ máy hành chính; cải thiện điểm số và chỉ số xếp hạng về năng lực cạnh tranh của tỉnh, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn, tạo thuận lợi hơn cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh; tiếp tục thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước đầu tư vào địa bàn tỉnh, ưu tiên thu hút các dự án có quy mô lớn, đầu tư hạ tầng khu/cụm công nghiệp, cung cấp nước sạch, hạ tầng giao thông, y tế, giáo dục, du lịch, xử lý rác thải sinh hoạt... Hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư của các dự án đã đăng ký sớm đi vào hoạt động, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư.

Năm 2018, hoạt động xúc tiến đầu tư tập trung vào 5 lĩnh vực, gồm du lịch, dịch vụ, công nghiệp - xây dựng, nông - lâm nghiệp, kết cấu hạ tầng. Đặc biệt, chú trọng định hướng xây dựng các ngành,



ngành đón đầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 như: công nghiệp thông tin và truyền thông, kỹ thuật số, kỹ thuật nano, công nghệ sinh học, vật liệu mới... Đồng thời, ưu tiên xúc tiến đầu tư vào sản xuất nông nghiệp theo hướng hiệu quả cao, ứng dụng công nghệ, phát triển bền vững, chuẩn bị các dự án khả thi để thu hút làn sóng đầu tư từ Nhật Bản, Hàn Quốc...

Phát huy những kết quả đạt được của năm 2017, trong 9 tháng đầu năm 2018, các ngành, địa phương trong tỉnh đã tổ chức trên 20 hội nghị, gặp gỡ, trao đổi thông tin về các dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt là các hội nghị xúc tiến đầu tư tại nước ngoài. Qua đó, đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư của địa phương. Đến nay, toàn tỉnh có 932 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký đầu tư gần 128.000 tỷ đồng trên tất cả các lĩnh vực, trong đó 172 dự án đang thực hiện thủ tục đầu tư, 311 dự án đang triển khai xây dựng, 449 dự án đã đi vào hoạt động. Qua đánh giá, các dự án đã góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đóng góp vào nguồn thu ngân sách địa phương, giải quyết việc làm cho người lao động và nâng cao đời sống người dân.

### Hoạt động xúc tiến thương mại

Nhằm tăng cường quảng bá, giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh du lịch và thương mại, cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, 9 tháng đầu năm 2018, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Lâm Đồng đã in và phát hành miễn phí trên 30.000 ấn phẩm các loại bằng các ngôn ngữ Việt - Anh - Nhật - Hàn cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư. Ngoài ra, các cơ quan Thuế, Hải quan, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài chính... thường xuyên phổ biến kịp thời các văn bản liên quan đến chính sách, quy định mới, thông tin hữu ích cho doanh nghiệp trên các website giúp các doanh nghiệp tra cứu và áp dụng kịp thời, phục vụ sản xuất - kinh doanh.

Trong 9 tháng đầu năm, các cơ quan chức năng đã hỗ trợ 28 doanh nghiệp đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp; đăng ký mã số, mã vạch; cập nhật thông tin cảnh báo liên quan đến các sản phẩm chủ lực của tỉnh trên Trang thông tin của ngành khoa học và công nghệ. Tiếp tục triển khai Chương trình hỗ trợ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm tại 174 doanh nghiệp. Từ nguồn ngân sách địa phương, Chương trình khuyến công đã hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện 50 đề án phát triển sản xuất với tổng kinh phí 8,505 tỷ đồng; trong đó, hỗ trợ không thu hồi 36 đề án với kinh phí 2,205 tỷ đồng; hỗ trợ có thu hồi 14 đề án với kinh phí 6,3 tỷ đồng. Ngân sách Trung ương hỗ trợ 3,3 tỷ đồng cho các doanh nghiệp xây

dựng mô hình trình diễn kỹ thuật chế biến rau, củ, quả xuất khẩu; hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn nâng cao năng suất, chất lượng trong chế biến cà phê; hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị trong chế biến nông sản.

Để giúp các doanh nghiệp kết nối giao thương, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tỉnh Lâm Đồng đã hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia 14 kỳ hội chợ, triển lãm chuyên ngành (trong đó có 13 hội chợ trong nước, 1 hội chợ nước ngoài). Thông qua đó, đã giúp các doanh nghiệp ký kết được 64 thỏa thuận hợp tác thương mại và du lịch. Ngoài ra, tỉnh đã hỗ trợ và lập các thủ tục đăng ký cho các doanh nghiệp Lâm Đồng sản xuất, kinh doanh và xuất - nhập khẩu các mặt hàng nông sản, hoa, may mặc, thủ công mỹ nghệ, đặc sản Đà Lạt... giúp các doanh nghiệp quảng bá, giới thiệu các sản phẩm chủ lực của tỉnh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước.

Các cơ quan của tỉnh đã tổ chức 3 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật, 24 lớp tập huấn về thuế, 8 lớp đào tạo về quản lý chất lượng theo ISO, xây dựng và bảo vệ thương hiệu khi tham gia các hiệp định thương mại, nâng cao kỹ năng, hướng dẫn phương pháp lập dự án đầu tư, kỹ năng đàm phán hợp đồng thương mại, kiến thức quản lý lao động tại các cơ sở lưu trú du lịch; nâng cao năng suất, chất lượng hàng hóa, truy xuất nguồn gốc; chuyển giao khoa học kỹ thuật nông nghiệp; phát triển rau, hoa theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho 1.982 lượt doanh nghiệp. Các sở, ngành, hiệp hội doanh nghiệp đã tổ chức 12 lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản trị, điều hành cho 416 doanh nghiệp. Hỗ trợ đào tạo nghề cho 23.700 lao động tại chỗ của các doanh nghiệp. Ngành lao động đã tư vấn việc làm cho 35.000 lao động thông qua 4 ngày hội việc làm tại các địa phương.

Nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, UBND tỉnh Lâm Đồng đã chủ trì Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp lần thứ I năm 2018. Thông qua khảo sát, đã có 92 doanh nghiệp nêu 122 kiến nghị và đã được các sở, ngành, địa phương giải quyết. Tại hội nghị, có 13 doanh nghiệp với 15 kiến nghị đã được UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết trực tiếp tại hội nghị và các sở, ngành, địa phương liên quan đã tổ chức triển khai thực hiện.

Với những lợi thế sẵn có của địa phương, môi trường kinh doanh thân thiện, những chính sách ưu đãi đầu tư, sự năng động, sáng tạo của các doanh nghiệp, nhà đầu tư, hy vọng trong thời gian tới, bức tranh toàn cảnh về hoạt động xúc tiến đầu tư và thương mại của Lâm Đồng sẽ có nhiều khởi sắc. ■



## TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015 TẠI UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

**DƯƠNG THỊ LỆ QUYÊN**

*Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng*

Theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 (gọi tắt là áp dụng ISO) vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, UBND xã, phường, thị trấn thuộc đối tượng khuyến khích áp dụng ISO vào hoạt động tại đơn vị. Tuy nhiên, theo Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 của Bộ Nội vụ, việc áp dụng ISO tại UBND cấp xã là một trong những tiêu chí để đánh giá chỉ số cải cách hành chính của tỉnh; năm 2016, 2017, tỉnh Lâm Đồng bị mất điểm tại tiêu chí này.

Để khắc phục và nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Lâm Đồng năm 2017 và những năm tiếp theo, ngày 13/9/2017, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 6051/KH-UBND, trong đó, đề nghị các sở, ban, ngành có biện pháp nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh. Trên cơ sở đó, ngày 31/01/2018, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 218/QĐ-UBND phê duyệt *Kế hoạch xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 vào hoạt động của UBND xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*; dự kiến, 100% UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh sẽ áp dụng ISO trước ngày 31/12/2021.

Trong năm 2018, để triển khai Quyết định số 218/QĐ-UBND, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã chủ động tổ chức đấu thầu, lựa chọn đơn vị tư vấn và chứng nhận để phối hợp kiểm tra tình hình áp dụng ISO tại 24 UBND cấp xã triển khai thí điểm; thành lập Tổ công tác gồm đại diện của UBND các huyện và các Sở Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ; tiến hành khảo sát tình hình quản lý chất lượng đối với 24 UBND cấp xã thí điểm để phân loại theo số lượng hồ sơ phát sinh, chất lượng thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC) và điều kiện về nguồn lực để từ đó có biện pháp triển khai phù hợp;



xây dựng hệ thống tài liệu dùng chung, đào tạo kiến thức về nhận thức, xây dựng, áp dụng ISO, hướng dẫn đánh giá nội bộ cho cán bộ, công chức cấp xã.

Hiện nay, 24 UBND cấp xã thí điểm đã hoàn thành, công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; đã được tiến hành kiểm tra tình hình xây dựng, áp dụng ISO sau công bố. Thông qua kết quả phối hợp kiểm tra với đơn vị chứng nhận cho thấy, cơ bản các đơn vị đã bước đầu tiếp cận hệ thống tài liệu, nắm được một số yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015, đảm bảo thực hiện theo yêu cầu của tiêu chuẩn. Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm tra, việc duy trì, cải tiến của một số đơn vị chưa thực hiện đầy đủ; hiệu lực, hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng vẫn còn hạn chế, cụ thể như:

- Nội dung của chính sách, mục tiêu chất lượng chưa bám sát, bao quát hết đối với nhiệm vụ của đơn vị.

- Hoạt động đánh giá nội bộ và xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng tại các đơn vị còn nhiều hạn chế; việc cập nhật, lưu giữ đầy đủ hồ sơ tại một số đơn vị chưa đáp ứng theo yêu cầu.

- Việc rà soát và hoàn thiện hệ thống tài liệu tại một số đơn vị chưa thực hiện theo đúng quy định như: còn thiếu các biểu mẫu kèm theo quy trình; việc phân bổ thời gian giải quyết công việc chưa



được thực hiện; chưa cụ thể về trách nhiệm, tài liệu cần lưu, thời gian lưu hồ sơ.

- Việc lưu giữ hồ sơ tại một số đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu dễ thấy, dễ lấy, dễ tìm và được bảo toàn; chưa lập danh mục tài liệu, hồ sơ lưu; chưa sàng lọc, sắp xếp hồ sơ lưu đúng quy định.

Bên cạnh các tồn tại, hạn chế trên, một số đơn vị cũng đã triển khai áp dụng tốt như UBND phường 3 - Đà Lạt; UBND phường 1 - Bảo Lộc; UBND thị trấn Thạnh Mỹ, Madaguoi; UBND xã Đà Loan, Quảng Lập, Madaguoi đã đem lại một số hiệu quả nhất định trong công tác giải quyết TTHC, góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân.

Ngoài ra, để sớm nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh, UBND các huyện, thành phố đã xây dựng kế hoạch và đẩy nhanh lộ trình triển khai áp dụng ISO tại các UBND cấp xã còn lại trên địa bàn. Riêng UBND huyện Lạc Dương, Đạ Huoai đã chỉ đạo cho tất các đơn vị cấp xã còn lại trên địa bàn huyện triển khai áp dụng ISO; phải hoàn thành trước ngày 31/12/2018.

Theo lộ trình đã đăng ký, năm 2019, 84% UBND cấp xã; năm 2020, 100% UBND cấp xã áp dụng và công bố ISO. Như vậy, so với Quyết định số 218/QĐ-UBND, việc áp dụng và công bố ISO tại các UBND cấp xã được hoàn thành sớm 1 năm.

### Một số giải pháp trong thời gian tới

- Cần chuẩn hóa mô hình khung hệ thống tài liệu dùng chung cho UBND cấp xã.

- Đăng tải các quy trình giải quyết công việc theo TTHC lên trang thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

- Tích hợp giữa ISO và Chính phủ điện tử, từng bước chuyển sang ISO điện tử.

- Triển khai áp dụng ISO đối với tất cả các UBND cấp xã còn lại trong năm 2019 nhằm nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo đúng tinh thần Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và giảm được kinh phí thuê tư vấn triển khai áp dụng ISO tại các đơn vị.

- Tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc áp dụng ISO tại các UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo tiến độ đã đề ra. ■



Những công nghệ mang tính ứng dụng cao trên thực tế được trình diễn tại TechDemo 2018

Để phục vụ hoạt động kết nối, từ đầu năm 2018, Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các địa phương tiến hành điều tra, khảo sát xác định nhu cầu thực tế; trong đó, đã có 100 nhu cầu tiếp nhận công nghệ của các doanh nghiệp tại các tỉnh, thành khu vực phía Nam; 50 tổ chức, cá nhân có nhu cầu tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật.

Theo Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Trần Văn Tùng, việc kết nối, nắm bắt nhu cầu thực tế để các nhà khoa học cùng doanh nghiệp giải quyết những khó khăn về công nghệ, kỹ thuật có ý nghĩa rất quan trọng. Hoạt động này đã được Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thường niên. Theo đó, TechDemo nhằm kết nối nhu cầu công nghệ của doanh nghiệp với các đơn vị, nhà khoa học đang sở hữu công nghệ một cách nhanh nhất để ứng dụng vào thực tế. Ví dụ, trong lĩnh vực xuất khẩu tôm, trước đây, toàn bộ đầu tôm và phụ phẩm, doanh nghiệp thường xử lý như rác thải, gây tổn kém. Khi các nhà khoa học cùng doanh nghiệp nghiên cứu công nghệ chế biến đầu tôm trở thành sản phẩm sử dụng trong y tế; đến nay, nhờ công nghệ mới phụ phẩm từ tôm trở thành nguyên liệu đầu vào có ý nghĩa và giá trị gia tăng.

TechDemo 2018 trình diễn 500 sản phẩm/quy trình/công nghệ/thiết bị thuộc các lĩnh vực: nông, lâm, thủy, hải sản của 120 doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế. Trong số này có gần 100 công nghệ đến từ các nước Hàn Quốc, Đan Mạch, Đức, Mỹ, Israel, Nhật Bản.

Bên cạnh đó, TechDemo 2018 còn diễn ra chuỗi các sự kiện như: điều tra, khảo sát cung - cầu và xây dựng dữ liệu công nghệ. Trong đó, đã giới thiệu thêm hệ thống điều tra thông tin cung -





## TRÌNH DIỄN 500 SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CÓ TÍNH ỨNG DỤNG CAO TRONG THỰC TẾ

Từ ngày 03-05/10/2018, tại thành phố Cần Thơ, sự kiện trình diễn kết nối cung - cầu công nghệ (TechDemo 2018) với chủ đề “*Đổi mới công nghệ, sáng tạo, hội nhập và phát triển*” đã giới thiệu 500 sản phẩm công nghệ có tính ứng dụng cao trong thực tế.

cầu công nghệ trực tuyến dưới dạng module tích hợp trên Cổng thông tin điện tử Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ tại địa chỉ [www.sati.gov.vn](http://www.sati.gov.vn).

Đồng thời, đã thực hiện 41 buổi tọa đàm, tư vấn công nghệ, cải tiến kỹ thuật trực tiếp cho doanh nghiệp; tư vấn kết nối tài chính - công nghệ thông qua mạng lưới các điểm kết nối cung - cầu công nghệ.

Chuỗi các hội thảo quốc tế, diễn đàn, tọa đàm chuyên đề chuyên sâu nhằm giải quyết các vấn đề về công nghệ cho doanh nghiệp, vùng cũng được tổ chức như: Hội thảo quốc tế Công nghệ và giải pháp nâng cao giá trị ngành phụ phẩm tôm Việt Nam nhằm đề xuất giải pháp công nghệ và chính sách thúc đẩy trong vấn đề xử lý phụ phẩm tôm cho các doanh nghiệp tại Việt Nam; Diễn đàn Ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới trong nông nghiệp nhằm đề xuất giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và thúc đẩy phát triển ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp...

Điểm khác biệt của TechDemo năm nay là nhằm kết nối cung - cầu trên Sàn tri thức Novelind. Đây là mô hình liên kết mới, có ứng dụng công nghệ hiện đại đặc trưng cho mô hình phát triển trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0; là sự kết nối chặt chẽ giữa cơ quan quản lý, viện, trường, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, đặc biệt là các nhà khoa học Việt Nam trong việc đưa sản phẩm khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống, góp phần nâng cao vị thế, giá trị của các sản phẩm khoa học và công nghệ.

Tại TechDemo 2018, đã khai trương Điểm kết nối cung - cầu công nghệ tại Cần Thơ. Đây là điểm đầu tiên trong vùng Đồng bằng sông Cửu



Thứ trưởng Trần Văn Tùng  
cung cấp thông tin về TechDemo 2018

Long (là điểm thứ 7 trên cả nước) chuẩn bị đi vào hoạt động nhằm thúc đẩy hoạt động ứng dụng, chuyển giao đổi mới công nghệ trong các ngành, lĩnh vực sản xuất - kinh doanh, tạo điều kiện cho các tổ chức khoa học và công nghệ, nhà khoa học giới thiệu, chuyển giao, thương mại hóa kết quả, sản phẩm khoa học và công nghệ.

Ngoài ra, các chuyên gia đã tư vấn trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân tại sự kiện. Đặc biệt, tại đây, Ban tổ chức lựa chọn, tôn vinh 30 doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, y tế - dược phẩm, chế biến thực phẩm, cơ khí chế tạo tại các vùng Đông Nam bộ, đồng bằng sông Cửu Long, Nam Trung bộ - Tây Nguyên.

Hiện Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu công nghệ trực tuyến, trong đó có 2.500 nguồn cung công nghệ, 200 thông tin chuyên gia tư vấn hỗ trợ trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu kết nối chuyển giao công nghệ. ■



## KẾT QUẢ 3 NĂM TRIỂN KHAI DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

**PHẠM THỊ NHÂM**

*Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng*

Tiếp tục triển khai Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”, ngày 04/02/2016, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 225/QĐ-UBND phê duyệt dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020”, tạo bước chuyển biến về năng suất chất lượng (NSCL) sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chủ lực nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Qua 3 năm (từ 2016-2018), dự án được triển khai khá hiệu quả và đạt được những kết quả nhất định về sự thay đổi nhận thức trong quản lý, sản xuất, kinh doanh; các sản phẩm sai lỗi của doanh nghiệp giảm; chất lượng sản phẩm áp dụng theo tiêu chuẩn ngày càng tăng; giảm thiểu các công đoạn lãng phí, từ đó giảm giá thành sản phẩm; kỹ năng giải quyết công việc của người lao động được nâng cao, đảm bảo hiệu suất lao động; đáp ứng nhu cầu của khách hàng ngày càng tốt hơn.

Để tìm hiểu, nắm bắt nhu cầu và điều kiện của doanh nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng đã chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố thông báo dự án Nâng cao NSCL đến 874 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; hàng năm, tiến hành khảo sát các doanh nghiệp đăng ký áp dụng. Đến nay, đã khảo sát, phân loại 157 doanh nghiệp theo quy mô, loại hình, điều kiện, thị trường tiêu thụ nhằm định hướng cho doanh nghiệp nên áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến hoặc áp dụng đồng thời cả hai.

### Đánh giá hiệu quả đạt được

Từ kinh nghiệm thực hiện Dự án giai đoạn 2011-2015, trong giai đoạn này, công tác thông



tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn về NSCL được đẩy mạnh nên doanh nghiệp ngày càng quan tâm, tham gia dự án nhiều hơn.

Dự án được tuyên truyền đến doanh nghiệp thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Đến nay, dự án đã thực hiện 5 đợt thông tin tuyên truyền đến các tổ chức, cá nhân trong toàn tỉnh; trong đó, đã tổ chức tọa đàm giữa cơ quan quản lý với các doanh nghiệp đã triển khai dự án; thực hiện 4 phóng sự trên sóng phát thanh và truyền hình về nâng cao NSCL sản phẩm, hàng hóa. Phát hành 3.000 tờ rơi gửi đến các doanh nghiệp về thông tin của dự án như: các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến NSCL, giải thưởng chất lượng quốc gia, cách thức xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, tổ chức triển khai áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế và chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy.

Nhằm cung cấp những thông tin sâu hơn về những chính sách hỗ trợ, điều kiện tham gia dự án và các kiến thức quản lý, kỹ năng thao tác, dự án đã tổ chức 3 hội nghị, hội thảo; 30 lớp đào tạo, tập huấn cho hơn 1.600 lượt người tham dự. Thông qua các lớp tập huấn, nguồn nhân lực của các doanh nghiệp được đào tạo những kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về NSCL, chăm sóc khách hàng... Số lượng các học viên tham gia ngày càng tăng, người lao động thật sự quan



tâm đến kiến thức mà họ tiếp nhận được. Qua đây cho thấy, lãnh đạo các doanh nghiệp đã hiểu được tầm quan trọng của nguồn nhân lực - yếu tố quyết định đến NSCL sản phẩm, hàng hóa. Thông qua đó đã giúp các doanh nghiệp nâng cao nhận thức và kiến thức về NSCL, các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến NSCL.

Dự án đã hỗ trợ doanh nghiệp một phần kinh phí triển khai áp dụng hệ thống quản lý, công cụ cải tiến NSCL, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, tham dự giải thưởng chất lượng quốc gia. Trong 3 năm qua, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh đã hỗ trợ 42 lượt doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến. Đến nay, 22 dự án đã hoàn thành với tổng kinh phí hỗ trợ khoảng 1,2 tỷ đồng; hỗ trợ 8 doanh nghiệp về tiêu chuẩn, hợp chuẩn, hợp quy với tổng số tiền là 100 triệu đồng; 4 lượt doanh nghiệp tham dự và đạt Giải thưởng chất lượng quốc gia, Giải thưởng Chất lượng châu Á - Thái Bình Dương với tổng số tiền là 99 triệu đồng. Từ đó, giúp doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh, uy tín trên thị trường.

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh đã chủ động phối hợp với UBND các huyện lựa chọn, khảo sát các doanh nghiệp tham gia dự án, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý/công cụ cải tiến theo chuỗi, từ trồng trọt đến sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nên đã đạt được những kết quả nhất định. Các sản phẩm đã được cấp giấy chứng nhận về nhãn hiệu được quan tâm hỗ trợ nâng cao chất lượng, đảm bảo uy tín, hướng đến xây dựng thương hiệu cho sản phẩm trên thị trường.

Bên cạnh những hiệu quả mang lại, dự án vẫn còn một số nội dung chưa đạt yêu cầu so với mục tiêu đề ra như công tác hỗ trợ doanh nghiệp chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở. Các nguyên nhân và thực trạng bất cập gặp phải như:

- Mặc dù đã tăng cường các hình thức thông tin, tuyên truyền và hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp tham gia dự án nhưng nhiều doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh các sản phẩm chủ lực chưa quan tâm nhiều đến việc nâng cao NSCL, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch.

- Theo quy định của dự án, để được hỗ trợ chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, các doanh nghiệp phải được chứng nhận của bên thứ ba.

Tuy nhiên, do hoạt động chứng nhận hợp chuẩn là tự nguyện, đồng thời đa số doanh nghiệp công bố hợp chuẩn, hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá nên hoạt động này chưa được doanh nghiệp quan tâm thực hiện.

- Một số doanh nghiệp đã được phê duyệt dự án, tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, doanh nghiệp có sự thay đổi lãnh đạo, định hướng phát triển; đơn vị tư vấn không đủ năng lực... dẫn đến các dự án bị kéo dài so với tiến độ đã được phê duyệt.

- Qua khảo sát thực tế các doanh nghiệp đăng ký tham gia dự án năm 2018, đa phần là những doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ, quản lý theo phương thức gia đình, sản xuất thủ công, điều kiện nhà xưởng, trang thiết bị còn đơn giản, số lượng lao động ít, chưa có đầu ra ổn định cho sản phẩm nên gặp khó khăn trong áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến.

### Một số giải pháp

Để nâng cao hiệu quả triển khai dự án Nâng cao NSCL trên địa bàn tỉnh, trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về dự án, các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật dưới nhiều hình thức để các tổ chức, cá nhân nắm rõ và tham gia dự án.

- Tổ chức tham quan, học hỏi tại các mô hình điểm để tạo sự lan tỏa đến các doanh nghiệp.

- Phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp thuộc đối tượng quản lý tham gia dự án. Thực hiện khảo sát trực tiếp tại các doanh nghiệp, hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng đề cương, xem xét thông qua đề cương, hỗ trợ các doanh nghiệp đã hoàn thành dự án.

- Tiếp tục tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về kỹ năng, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến phù hợp cho doanh nghiệp (khoảng 35 hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến sẽ được hỗ trợ trong thời gian tới), đặc biệt chú trọng đến các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chủ lực đã được chứng nhận nhãn hiệu như Rau Đà Lạt, Hoa Đà Lạt, Cà phê Di Linh, Sầu riêng Đà Huoai, Lúa gạo Cát Tiên, Nếp Quýt Đà Têh,... Việc hỗ trợ sẽ thực hiện theo chuỗi, từ khâu trồng trọt đến quản lý theo mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. ■



## NỘP THUẾ ĐIỆN TỬ VÀ THÔNG QUAN 24/7 THUẬN LỢI - CHÍNH XÁC - AN TOÀN

**PHẠM VĂN TRUNG**

Chi cục Hải quan Đà Lạt

Nhằm thực hiện công tác cải cách hành chính và hiện đại hóa hải quan, hướng đến mục tiêu đơn giản, công khai, minh bạch, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hải quan, qua đó tạo thuận lợi cho hoạt động xuất - nhập khẩu, rút ngắn thời gian thông quan, hạn chế sự tiếp xúc của công chức hải quan với người khai hải quan và nộp thuế, kể từ tháng 4/2014, song song với việc triển khai hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS, ngành Hải quan đã phối hợp với Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại thực hiện công tác thu thuế và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất - nhập khẩu. Theo đó, doanh nghiệp nộp các khoản thu trực tiếp tại Kho bạc hoặc ngân hàng thương mại có phối hợp thu; cơ quan Hải quan căn cứ thông tin về nộp thuế do Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại cung cấp để thực hiện thông quan hàng hóa. Quá trình triển khai đã phát huy được hiệu quả, thời gian nộp thuế, thông quan giảm đáng kể, tiết kiệm nhân lực, chi phí cho doanh nghiệp và cơ quan Hải quan. Tuy nhiên, việc nộp thuế này vẫn bộc lộ một số hạn chế như:

- Người nộp thuế chưa thể chuyển tiền nộp thuế ngoài giờ hành chính để được cơ quan Hải quan thông quan hàng hóa;

- Việc nộp thuế còn phụ thuộc vào địa điểm của trụ sở Kho bạc, ngân hàng thương mại;

- Việc kê khai nộp thuế còn phức tạp, chưa thuận tiện; thông tin kê khai dễ sai sót, không thống nhất với dữ liệu của cơ quan Hải quan... dẫn đến trừ nợ chưa chính xác, phải thực hiện điều chỉnh, kéo dài thời gian thông quan, cưỡng chế nhầm...

Nhìn chung, phương thức nộp thuế qua Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại chưa đáp ứng mục tiêu, yêu cầu về đơn giản, mọi lúc, mọi nơi, mọi phương tiện...

Để khắc phục hạn chế này, ngày 21/6/2017, Tổng cục Hải quan đã ban hành Quyết định số 2082/QĐ-TCHQ phê duyệt đề án “Nộp thuế điện tử qua ngân hàng phối hợp thu và thông quan 24/7” nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nộp thuế, hạn chế tối đa việc thanh toán bằng tiền mặt; đảm bảo thông tin nộp tiền được thanh khoản thuế kịp thời, chính xác; giảm thời gian nộp thuế; đồng thời, thông quan hàng hóa ngay sau khi nộp thuế, qua đó rút ngắn thời gian hoàn thành thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất - nhập khẩu của doanh nghiệp xuống bằng mức trung bình

của nhóm các nước ASEAN-4 theo chỉ đạo của Chính phủ.

Để tham gia nộp thuế điện tử qua ngân hàng phối hợp thu và thông quan 24/7, người nộp thuế cần có thiết bị chữ ký số (USB Token) và được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền, phục vụ khai hải quan; sử dụng user và mật khẩu đã đăng ký trên hệ thống VNACCS/VCIS để đăng nhập hệ thống Cổng thanh toán điện tử 24/7 trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, sau đó thực hiện đăng ký ủy quyền trích nợ (tài liệu hướng dẫn chi tiết sử dụng được đăng tải tại địa chỉ <https://www.custom.gov.vn>, mục Dịch vụ công - Nộp thuế điện tử và thông quan 24/7).

Quy trình nộp thuế và thông quan 24/7 có những ưu điểm vượt trội so với hình thức nộp thuế trực tiếp tại ngân hàng, Kho bạc như:

- Có thể thực hiện mọi lúc, mọi nơi, khi có phương tiện (thiết bị) kết nối internet: người nộp thuế tự quyết định thời điểm nộp tiền thuế để được thông quan hàng hóa mà không phụ thuộc vào thời gian làm việc, địa điểm của ngân hàng, kho bạc, hải quan;

- Đơn giản, chính xác: không phải kê khai đầy đủ thông tin trên biểu mẫu nộp thuế; khi lập bảng kê nộp thuế trên cổng thanh toán điện tử, người nộp chỉ cần kê khai mã số thuế, số tờ khai, hệ thống tự động kết xuất và cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin liên quan đến chứng từ nộp thuế;

- An toàn: dùng tiền mặt để nộp thuế trực tiếp tại Kho bạc, ngân hàng tiềm ẩn nhiều rủi ro trong quá trình vận chuyển; việc kê khai các thông tin trên các biểu mẫu nộp thuế khó tránh khỏi những sai sót, nhầm lẫn về địa điểm Kho bạc nơi Chi cục Hải quan mở tài khoản... Đăng ký kê khai nộp thuế điện tử 24/7, việc chuyển tiền đảm bảo nhanh chóng, mọi giao dịch đều thực hiện xác nhận chữ ký số để đảm bảo an toàn, thông tin giao dịch được bảo mật, toàn vẹn dữ liệu.

Qua một năm chính thức triển khai, hệ thống đã được vận hành thông suốt, tỷ lệ giao dịch cũng như số tiền nộp thuế điện tử tăng dần, qua đó giảm thời gian nộp thuế và thông quan; tiết kiệm chi phí, nhân lực cho doanh nghiệp, cơ quan Hải quan trong thu, nộp thuế và các khoản thu khác liên quan đến lĩnh vực hải quan. Để tăng tỷ lệ nộp thuế điện tử, bên cạnh sự nỗ lực của ngành Hải quan, cần sự quan tâm, chủ động tham gia từ phía cộng đồng doanh nghiệp trong việc đăng ký và thực hiện nộp thuế điện tử qua ngân hàng phối hợp thu và thông quan 24/7. ■



## ỨNG DỤNG CỦA MÃ SỐ, MÃ VẠCH HÀNG HÓA

Mã vạch là sự thể hiện thông tin trong các dạng nhìn thấy trên các bề mặt hàng hóa mà máy móc có thể đọc được.

**N**guyên thủy, mã vạch lưu trữ dữ liệu theo bề rộng của các vạch màu đen in song song và các khoảng trống giữa chúng; ngày nay, mã vạch được in theo dạng các điểm, vòng tròn đồng tâm hay ẩn trong các hình ảnh. Mã vạch có thể được đọc bởi các thiết bị quét quang học gọi là máy đọc mã vạch hay được quét từ hình ảnh bằng các phần mềm chuyên biệt.

Nội dung của mã vạch là thông tin về sản phẩm, hàng hóa như: nước sản xuất, tên doanh nghiệp, lô, tiêu chuẩn chất lượng đăng ký, thông tin về kích thước sản phẩm, nơi kiểm tra... Mỗi sản phẩm đều có mã số riêng, thường gồm 13 con số (ví dụ 8007141009277). Trong đó, 2 hoặc 3 số đầu tiên (80) tính từ bên trái thể hiện nước sản xuất; 5 số tiếp theo (07141) là mã số của doanh nghiệp sản xuất; 5 số kế tiếp (00297) là tên hàng hóa, thể hiện đặc điểm tiêu dùng của hàng hóa (ví dụ mỹ phẩm); số cuối cùng (7) là số kiểm tra để kiểm định tính đúng đắn của việc đọc dò các sọc bởi thiết bị scanner.

*Cách tính số kiểm tra như sau:*

1. Cộng các số đứng ở hàng chẵn trong dãy mã số lại với nhau.
2. Lấy tổng đó nhân với 3.
3. Cộng các số đứng ở hàng lẻ trong dãy mã số lại với nhau.
4. Cộng các kết quả của phép tính thứ 2 và thứ 3 với nhau.
5. Số kiểm tra là hiệu số giữa tổng số trên và số chẵn chục sát trên nó.

Ví dụ: 8 0 0 7 1 4 1 0 0 9 2 7

$$8 0 1 1 0 2 = 12 \times 3 = 36$$

$$0 7 4 0 9 7 = 27$$

$$36 + 27 = 63$$

$$70 - 63 = 7 \text{ là số } 7 \text{ chính xác}$$

Ngoài loại mã 13 số cũng có trường hợp mã 8 số, thường dùng cho các loại hàng hóa có kích thước nhỏ (mã đất nước gồm 3 số, mã công ty sản xuất gồm 4 số, số cuối là số kiểm tra).

Mã số của đất nước do tổ chức EAN (European Article Numbering Association) quốc tế quy định.

Mỗi quốc gia có mã số riêng, không trùng nhau. Kiểm tra mã số có thể kiểm tra chất lượng sản phẩm, sự phù hợp so với mẫu nguyên thủy. Vì vậy, các nhà sản xuất khi sử dụng mã số, mã vạch cho sản phẩm của đơn vị mình thì bất kỳ nơi nào trên thế giới, mọi người đều có thể nhận ra sản phẩm của đơn vị, do đó sẽ gia tăng trách nhiệm của đơn vị trong quá trình sản xuất nhằm khẳng định thương hiệu.

### Lợi ích khi sử dụng mã số, mã vạch

Khi ứng dụng mã số, mã vạch cho sản phẩm hàng hóa, nhà sản xuất sẽ giảm chi phí hoạt động của doanh nghiệp, tăng lợi nhuận; tăng tính cạnh tranh trên thị trường nhờ đáp ứng nhanh yêu cầu của khách hàng và giá thành sản phẩm thấp hơn; chủ động được nguồn vốn nhờ tồn kho thấp; hệ thống mã vạch xác định chính xác, nhanh chóng mã xếp giá cũng như các mã hiệu khác nhau của ấn phẩm, tăng tốc độ quản lý ấn phẩm, mượn trả. Với sự tích hợp, hỗ trợ chặt chẽ trong hệ thống quản lý nghiệp vụ, mã vạch cho phép giảm các thao tác nhập số liệu, hạn chế tối đa sự nhầm lẫn trong các hoạt động nghiệp vụ.

Đến nay, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã thực hiện cấp mới cho 2.158 mã doanh nghiệp; cấp đổi 117 hồ sơ; thu hồi 845 mã doanh nghiệp; xác nhận mã nước ngoài, ủy quyền sử dụng mã số, mã vạch cho 39 hồ sơ.

Đồng thời, để tăng cường nhận thức của doanh nghiệp và người tiêu dùng về mã số, mã vạch trong thời đại công nghiệp 4.0 đang phát triển, Tổng cục đã tổ chức 3 khóa đào tạo về áp dụng mã số trên thương phẩm tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh; phối hợp Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Hà Giang tổ chức hội thảo đào tạo cơ bản mã số, mã vạch trên thương phẩm cho doanh nghiệp và các tổ chức quan tâm; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức hội thảo đào tạo tăng cường năng lực truy xuất nguồn gốc theo mã số, mã vạch tại Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng giai đoạn 2.

Trong thời gian tới, Tổng cục sẽ tiếp tục chủ trì và phối hợp với các đơn vị tổ chức các hoạt động liên quan đến mã số, mã vạch nhằm giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong quá trình sử dụng và đăng ký mã số ■



## NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH LÂM ĐỒNG VỚI HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Lâm Đồng

**T**rong thời gian qua, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp luôn được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Lâm Đồng quan tâm thực hiện. Theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và UBND tỉnh Lâm Đồng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Lâm Đồng đã lồng ghép vào chương trình công tác của chi nhánh, của ngành; quán triệt đến toàn thể công chức thuộc chi nhánh; chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong giao dịch ngân hàng, nhất là việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngân hàng đã kịp thời triển khai các nghị quyết, đề án, chương trình hỗ trợ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển như:

- Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về *Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020* và Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về *Tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020*.

- Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính Phủ và Chương trình hành động số 47-CTr/TU ngày 24/10/2017 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ V Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng, triển khai Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch số 5713/KH-UBND ngày 07/9/2018 của UBND tỉnh Lâm Đồng triển khai thi hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ngành ngân hàng trên địa bàn tỉnh tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, sở, ngành liên quan tại địa phương hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai các gói tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp; mở rộng tín dụng an toàn, hiệu quả dựa trên xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp.



- Tham gia hoạt động Quỹ Khởi nghiệp tỉnh Lâm Đồng nhằm góp phần hỗ trợ các đơn vị có chương trình, đề án, ý tưởng khởi nghiệp khả thi được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tham gia ý kiến đối với các dự thảo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thông tư hướng dẫn các tổ chức tín dụng phối hợp với Quỹ Bảo lãnh Doanh nghiệp nhỏ và vừa trong cho vay có bảo lãnh của Quỹ theo Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về việc *Thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa*. Cùng với các sở, ban, ngành trên địa bàn, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Lâm Đồng đã đóng góp vai trò quan trọng trong việc kiện toàn tổ chức, hoạt động, đưa Quỹ sớm đi vào hoạt động.

Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Lâm Đồng đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng đẩy mạnh triển khai các chương trình tín dụng hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn thông qua việc rà soát, cải tiến quy trình, thủ tục vay vốn, nâng cao năng lực thẩm định của nhân viên ngân hàng nhằm rút ngắn thời gian giải quyết cho vay, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng nhưng vẫn đảm bảo an toàn vốn vay.

Việc tham gia Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp qua các năm đã kịp thời nắm bắt và chia sẻ khó khăn với các doanh nghiệp như: giảm lãi suất, cơ cấu lại nợ, thực hiện các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đăng ký, nộp thuế điện tử nhằm rút ngắn thời gian nộp thuế, tiết kiệm chi phí, giúp cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng thuận lợi hơn.



Ngành ngân hàng tỉnh Lâm Đồng luôn đồng hành cùng doanh nghiệp, chủ động tiếp cận khách hàng, đáp ứng kịp thời nhu cầu về vốn cho doanh nghiệp. Hoạt động cho vay đối với doanh nghiệp chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực hoạt động thế mạnh của địa phương, hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ; doanh nghiệp nhỏ và vừa, ứng dụng công nghệ cao, tham gia chuỗi liên kết có nhu cầu vay bổ sung vốn lưu động ngắn hạn phục vụ phương án sản xuất - kinh doanh và vốn trung, dài hạn thực hiện dự án đầu tư. Các chương trình cho vay được triển khai đến các doanh nghiệp trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp về lãi suất vay cũng như về tài sản đảm bảo.

Ước đến 30/9/2018, dư nợ cho vay khách hàng doanh nghiệp là 13.000 tỷ đồng, chiếm gần 16% tổng dư nợ toàn tỉnh với 3.000 doanh nghiệp còn dư nợ.

Chương trình kết nối giữa ngân hàng và doanh nghiệp được triển khai trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng từ tháng 7/2014, là một trong những điểm sáng trong hoạt động hỗ trợ tín dụng cho các doanh nghiệp với đa dạng hình thức hỗ trợ như: cho vay mới, cơ cấu lại thời hạn nợ, giảm lãi suất,... Qua hơn 4 năm triển khai Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp (Chương trình), đến nay, đã có 11 chi nhánh ngân hàng thương mại triển khai Chương trình này, 853 doanh nghiệp được tiếp cận vốn vay từ Chương trình với doanh số cho vay trong 9 tháng đầu năm 2018 đạt gần 10.824 tỷ đồng, tăng trên 33% so với cùng kỳ năm trước, đạt trên 109% số tiền cam kết cho vay; dư nợ Chương trình đến 30/9/2018 đạt 5.803 tỷ đồng. Lãi suất áp dụng cho các doanh nghiệp tham gia Chương trình tối đa là 7%/năm đối với cho vay ngắn hạn; 9%/năm đối với cho vay trung và dài hạn. Thông qua Chương trình, các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh đã chủ động tiếp cận các doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn, nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để xem xét, thẩm định cho vay nhằm giúp đơn vị thuận lợi trong tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, đáp ứng nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp và giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất - kinh doanh, góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp duy trì, phục hồi và tiếp tục mở rộng hoạt động, giảm khó khăn về vốn và chi phí lãi vay, từ đó giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng lực tài

chính, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Chương trình cũng đã góp phần hỗ trợ các ngân hàng đưa vốn vào sản xuất - kinh doanh, thúc đẩy nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đạt mục tiêu tăng trưởng tín dụng đã đề ra, tăng cường tính chủ động, chia sẻ khó khăn với cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Về cho vay đối với các doanh nghiệp có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Agribank Lâm Đồng đã chấp thuận cho 1 doanh nghiệp có bảo lãnh của Quỹ vay với tổng hạn mức tín dụng được cấp là 4,5 tỷ đồng. Đến ngày 30/9/2018, số tiền giải ngân lũy kế là 6,5 tỷ đồng; dư nợ cho vay gần 1,6 tỷ đồng với 100% là nợ ngắn hạn.

Đối với hoạt động cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa, các chi nhánh ngân hàng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã thực hiện giải ngân đối với 1.571 doanh nghiệp, tổng dư nợ ước đến thời điểm 30/9/2018 là 8.500 tỷ đồng, chiếm khoảng 10,4% tổng dư nợ cho vay trên địa bàn toàn tỉnh. Riêng trong quý II/2018, các chi nhánh ngân hàng đã thực hiện cho 519 doanh nghiệp nhỏ và vừa vay với số tiền giải ngân là 4.863 tỷ đồng; trong 6 tháng đầu năm 2018, đã có 1.264 doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận nguồn vốn tín dụng từ các ngân hàng với số tiền được giải ngân là 7.639 tỷ đồng.

Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là một trong những thế mạnh của tỉnh Lâm Đồng. Theo Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 07/3/2017 của Chính phủ và Quyết định số 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, đến cuối tháng 9/2018, dư nợ cho vay của Chương trình là 210 tỷ đồng. Trong đó, dư nợ ngắn hạn là 145 tỷ; trung, dài hạn là 65 tỷ. Lãi suất cho vay ưu đãi ngắn hạn là 5,5-6,5%/năm; trung, dài hạn là 8,5-9%/năm.

Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Lâm Đồng đã chỉ đạo các chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chính sách xã hội trên địa bàn cùng lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Lâm Đồng, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lâm Đồng tham gia các đợt tiếp xúc cử tri để nắm bắt hoạt động ngân hàng trên địa bàn; giải đáp các vướng mắc của cử tri; tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng thuận lợi hơn.



Để nâng cao chất lượng hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi đến giao dịch và vay vốn, công tác cải cách hành chính luôn được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Lâm Đồng chú trọng, nâng cấp nhằm hỗ trợ tốt nhất cho doanh nghiệp. Thủ tục hành chính tại Ngân hàng Nhà nước đang được nâng cấp từ mức độ 1, 2 lên mức độ 3, 4. Trong 3 năm (2015-2017), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam luôn xếp vị trí đứng đầu về cải cách hành chính trong các Bộ, ngành. Với phương châm tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp cận dịch vụ ngân hàng, góp phần nâng cao chỉ số tiếp cận tín dụng quốc gia, gia tăng uy tín của môi trường đầu tư tại Việt Nam và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Lâm Đồng đã thực hiện công khai, minh bạch quy trình giải quyết thủ tục hành chính của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện cơ chế một cửa gắn liền với cải cách hành chính nhằm rút ngắn thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc giải quyết thủ tục hành chính; tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, giúp tiết kiệm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp.

Thực hiện đúng chức năng của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong công tác quản lý ngoại hối, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện đúng quy định của pháp luật trong việc đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài; hoạt động sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ; hoạt động đại lý đổi ngoại tệ; giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài;... Các thủ tục hành chính tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Lâm Đồng luôn được giải quyết trước hoặc đúng hạn nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, tránh gây phiền hà trong giải quyết thủ tục hành chính.

Trong thời gian tới, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tiếp tục được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Lâm Đồng quan tâm, chú trọng và chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tích cực triển khai các chương trình, sản phẩm tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp với nguồn vốn ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, gia tăng năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói riêng và cả nước nói chung. ■

## SƠ KẾT DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

Nhằm tiếp nối Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng về nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2016-2020, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng đã chủ trì, phối với các sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp theo Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt dự án “*Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020*”.

Để đánh giá kết quả đã đạt được trong giai đoạn 2016 đến tháng 6/2018, đề xuất các giải pháp triển khai có hiệu quả Dự án đến năm 2020, ngày 12/10/2018, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng đã tổ chức Hội nghị sơ kết 3 năm triển khai Dự án nâng cao năng suất và chất lượng.

Tham dự hội nghị có đại diện lãnh đạo các sở, ngành có liên quan, lãnh đạo UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp sản xuất,

kinh doanh sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Hội nghị đã đánh giá kết quả 3 năm triển khai thực hiện Dự án, đưa ra những thuận lợi, khó khăn mà Dự án gặp phải và đề xuất giải pháp điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số 225/QĐ-UBND nhằm thực hiện Dự án có hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp đã tham gia, triển khai thực hiện Dự án trong thời gian qua đã cùng nhau trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, hiệu quả sau khi áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng và tham gia các lớp tập huấn do Dự án hỗ trợ.

Hội nghị đã nhận được sự quan tâm của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các sản phẩm trọng điểm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và đề xuất được các giải pháp hữu ích nhằm nâng cao hiệu quả hỗ trợ của Dự án trong những năm tiếp theo. ■



## HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG KẾT NỐI CHUỖI CUNG ỨNG TOÀN CẦU

**NGUYỄN THỊ LỆ HƯỜNG**

Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng

**C**hỗi cung ứng (supply chain) là hệ thống gồm các tổ chức, con người; các hoạt động, nguồn lực liên quan đến việc vận chuyển sản phẩm (hoặc dịch vụ) từ tay người cung cấp, nhà sản xuất đến tay khách hàng, người tiêu dùng.

Hiện nay, trước xu thế hội nhập, việc tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu là điều tất yếu đối với mỗi doanh nghiệp bởi chỉ có tham gia vào chuỗi cung ứng thì doanh nghiệp mới tồn tại và phát triển được. Khi tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, doanh nghiệp sẽ nhận được rất nhiều lợi ích, trong đó, 2 lợi ích cơ bản đạt được như sau:

- *Thứ nhất*, mở rộng thị trường, gia tăng cơ hội xuất khẩu hàng hóa đến nhiều quốc gia trên thế giới. Đơn cử như Siêu thị Aeon tại Nhật ưu tiên nhập khẩu các mặt hàng đã được Aeon tại Việt Nam chấp nhận.

- *Thứ hai*, có thể được hưởng lợi từ những hỗ trợ kỹ thuật hay đào tạo nhân viên từ các công ty đa quốc gia dành cho doanh nghiệp trong chuỗi nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ mà các doanh nghiệp này cung ứng cho họ. Hay ít nhất, từ những yêu cầu của bên mua, các doanh nghiệp cung ứng có thêm động lực để cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất.



Doanh nghiệp Lâm Đồng tại buổi Giao lưu kinh tế - thương mại giữa các tỉnh phía Nam Việt Nam với Trung Quốc

Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (WB) tại Việt Nam, thường các doanh nghiệp FDI dựa vào hệ thống nhà cung cấp cấp 1 của họ ở nước ngoài để có nguồn cung đầu vào. Trong lĩnh vực thương mại, theo báo cáo về tình hình thương mại trong nước của Bộ Công thương, các doanh nghiệp FDI, các tập đoàn phân phối đa quốc gia hiện chiếm 53% thị phần các kênh phân phối hiện đại (siêu thị, trung tâm thương mại) ở Việt Nam với các tên tuổi như: Big C, Lotte Mart, Aeon, Auchan,...

Nhằm tăng cường tính kết nối giữa hệ thống phân phối thị trường trong nước và nước ngoài, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03/9/2018 phê duyệt Đề án “Thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tham gia trực tiếp vào mạng phân phối nước ngoài đến năm 2020”. Bộ Công thương là đơn vị chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, các hiệp hội ngành hàng để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nhằm hỗ trợ doanh nghiệp.





Triển khai đề án này, trong thời gian qua, Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng đã triển khai 3 hoạt động chính:

- Phối hợp với các Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài kết nối doanh nghiệp của tỉnh với các nhà nhập khẩu, phân phối ở nước ngoài. Thông qua các đợt xúc tiến thương mại ở nước ngoài, các doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng được gặp gỡ, tiếp xúc với các nhà nhập khẩu; dưới sự giới thiệu của các Thương vụ, các nhà nhập khẩu đến gặp gỡ trực tiếp, tham quan nhà máy và vùng nguyên liệu của doanh nghiệp trong tỉnh. Trong các năm qua, có nhiều nhà nhập khẩu từ Ấn Độ, Hồng Kông, Hàn Quốc, Belarus,... đã đến Lâm Đồng theo chương trình này.

- Tổ chức các hội nghị kết nối giao thương giữa doanh nghiệp Lâm Đồng với các nhà phân phối nước ngoài ở Việt Nam. Trong năm 2018, Sở Công thương đã tổ chức 2 đợt kết nối giao thương tại thành phố Đà Lạt để đưa hàng nông sản thực phẩm của Lâm Đồng vào Siêu thị Aeon (Nhật) và Siêu thị Auchan (Pháp).

- Thông tin cho doanh nghiệp tham gia các Chương trình kết nối giao thương, giới thiệu thị trường do Bộ Công thương tổ chức.

Đã có nhiều doanh nghiệp thông qua các chương trình này ký kết được hợp đồng tiêu thụ hàng hóa, tìm được nhà đầu tư. Một số nhà phân phối nước ngoài sẵn sàng đầu tư vốn cho doanh nghiệp để sản xuất hàng hóa theo đơn đặt hàng. Điều này thực sự là hướng đi thuận lợi cho doanh nghiệp trong bối cảnh các doanh nghiệp của tỉnh Lâm Đồng đều có quy mô nhỏ, thiếu vốn.

Tuy nhiên, để tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, doanh nghiệp phải đáp ứng được 4 yếu tố: chất lượng, số lượng, giá cả và thời gian giao hàng; trong đó, điều kiện tiên quyết vẫn là yếu tố chất lượng. Qua theo dõi, sau các chương trình kết nối giao thương, rất nhiều doanh nghiệp được các siêu thị liên lạc trực tiếp nhưng không nhiều doanh nghiệp đáp ứng được những điều kiện đặt ra. Các doanh nghiệp FDI hiện đang chiếm ưu thế trong việc cung cấp hàng hóa cho các siêu thị của nước ngoài ở Việt Nam.

Rõ ràng, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu là thách thức cho doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng vượt qua những hạn chế của chính mình để tìm cơ hội bước vào thị trường thế giới trong xu thế toàn cầu hóa. Để tham gia thành công, cần sự nỗ lực từ 2 phía: doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. ■



Buồng chuối Laba thương phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sang Nhật

### Chỉ dẫn địa lý Chuối xứ Laba

Đến thăm HTX Thương mại dịch vụ Laba Phú Sơn, tại thôn Bằng Tiên 2, xã Phú Sơn, huyện Lâm Hà, được biết, chuối Laba là giống chuối được người Pháp di thực từ miền Bắc Việt Nam vào xứ Bằng Tiên - Phú Sơn, do cây chuối hợp đất và khí hậu nơi đây nên phát triển tốt và cho phẩm cấp đặc biệt, từ đó, hình thành nên giống chuối Laba đặc biệt thơm, dẻo, ngọt chỉ có ở vùng đất Phú Sơn và trở thành thương hiệu Chuối xứ Laba.

Chuối Laba có 3 loại:

- Loại cao cấp: cây cao 6-7 m như trụ điện gọi là chuối Bà Hương; quả có cạnh, to và thơm, nay rất hiếm gặp;

- Chuối Laba trung: có chiều cao khoảng 3-4 m, đang được trồng phổ biến hiện nay;

- Chuối lùn: cây thấp khoảng 1,5-2 m.

Hiện nay, 2 loại chuối Laba lùn và trung đều có kích thước, hình dạng trái nẩy căng, cạnh tròn, quả ôm chặt nhau. Nếu mỗi buồng có khoảng 9-10 nải, sẽ cho trọng lượng khoảng chừng 40 kg/buồng.

HTX Thương mại dịch vụ Laba Phú Sơn có 48 xã viên, hiện đang trồng 18 ha chuối Laba. Mỗi xã viên sản xuất tập trung từ 2 sào trở lên (sản lượng đạt khoảng 4 tấn). Mỗi lần thu hoạch chuối, HTX sử dụng dàn sơ chế lưu động 8 m, chia thành 3 đoạn, bắt vít đưa đến vườn. Chuối thường được cắt tia mặt trắng nửa nải hoặc 3 trái một, đóng thùng 13 kg. Để bảo đảm độ chín vừa tới tay người tiêu dùng gồm cả thời gian vận chuyển, chuối được thu hái sớm trước 2 tuần so với cách thu hoạch chuối thông thường.

Tính ra 1 ha đất trồng 2.000 bụi chuối, với khoảng 30-40 kg/buồng trong năm thứ nhất, để



## KỶ VỌNG CHUỐI LABA

**NHẬT QUÂN**

Hợp tác xã Thương mại dịch vụ Laba Phú Sơn và Hợp tác xã Chuối Laba Banana Đạ K'Nàng đang rất tâm huyết với cây chuối Laba và đã xuất khẩu được chuối sang thị trường Nhật Bản. Với lợi thế về xuất xứ và vùng nguyên liệu rộng lớn, cả hai hợp tác xã (HTX) đang hướng đến mục tiêu đầu tư cơ sở hạ tầng, kỹ thuật nhằm đáp ứng đủ năng lực tham gia vào thị trường Nhật Bản khó tính nhưng đầy tiềm năng.

1 cây; năm thứ 2-5, mỗi bụi để 2 cây. Như vậy, mỗi cây mô sẽ được khai thác trong vòng 4-5 năm, thu từ 9-11 buồng. Các cây con khác sẽ được tỉa bỏ hoặc làm giống; tuy nhiên, giống cây mô sẽ ít bệnh hơn cây truyền thống do cây truyền thống dễ nhiễm bệnh từ cây mẹ.

Hiện nay, tại huyện Lâm Hà, có 3 dây chuyền sơ chế ở các xã Đan Phượng, Liên Hà, Đạ K'Nàng. Tính từ tháng 6/2017, khi HTX Thương mại dịch vụ Laba Phú Sơn ký kết xuất khẩu chuối sang Nhật thì đến tháng 7/2018, mới bắt đầu thu hoạch. Tuy nhiên, hiện HTX xuất khẩu sang Nhật phải qua trung gian là Công ty cổ phần đầu tư Chuối Việt tại thành phố Hồ Chí Minh nên giá mua tại vườn chỉ còn 7.200 đồng/kg.

### Tiềm năng của vùng nguyên liệu

Theo ông Nguyễn Huy Phương - Chủ nhiệm HTX chuối Laba Banana Đạ K'Nàng, HTX bắt đầu trồng chuối từ 2 năm nay. Trước đây, HTX chỉ trồng rau, qua tìm hiểu về nhu cầu tiêu thụ chuối LaBa và tìm được địa chỉ thu mua chuối ở Đà Lạt nên ông đã mạnh dạn đầu tư chuyển đổi sang mô hình trồng chuối. Tuy nhiên, đến kỳ thu hoạch, chuối để rụng mà không có người mua. Thấy tình hình bấp bênh, không chủ động, ông Phương đã đứng ra thành lập HTX với khoảng 30 ha và 7 thành viên, liên kết khoảng 20 hộ nông dân, tìm hướng xây dựng thương hiệu và xuất khẩu chuối để đảm bảo đầu ra cho chuối LaBa.

Sản xuất chuối xuất khẩu đòi hỏi quy cách riêng, các tiêu chuẩn rất khó; đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của nước nhập khẩu; phải giữ vững thương hiệu để duy trì đơn hàng. HTX Chuối LaBa Banana Đạ K'Nàng đã tư vấn cho nông dân trồng chuối xuất khẩu đúng quy trình nhằm giữ được thương hiệu để tồn tại và phát triển lâu dài và bền vững. Hiện nay, HTX đang đầu tư theo tỷ lệ 50-50 với các hộ dân và phát triển thêm 7 ha ở xã Đạ Tông thông qua việc cung cấp giống, kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm. Công ty Cổ phần đầu tư Chuối Việt là đơn vị trung gian cung cấp bao bì, phương tiện, chi phí



Ông Đinh Đức Chí - Phó Chủ tịch UBND huyện Lâm Hà thăm vườn chuối Laba giống tại xã Phú Sơn.

vận chuyển bảo quản sau thu hoạch và kho bãi cho quá trình xuất khẩu.

Đạ K'Nàng còn quỹ đất nhiều nên được Nhật Bản chọn làm vùng nguyên liệu và có thể phát triển vùng nguyên liệu lên đến 500 ha theo tiêu chuẩn của Nhật. Song song với việc phát triển vùng nguyên liệu và được sự ủng hộ của chính quyền huyện, các hộ dân đã đăng ký liên kết, HTX Chuối LaBa Banana Đạ K'Nàng cũng đang tìm hướng mở rộng thị trường nội địa, phát triển thêm các sản phẩm chế biến khác để tận dụng hết lợi thế hiện có và ngày càng phát triển bền vững đối với sản phẩm chuối LaBa mang thương hiệu của địa phương.

Dù bước đầu đã xây dựng được vùng nguyên liệu trên vùng đất Phú Sơn và Đạ K'Nàng, nhưng cả 2 HTX đang cần hỗ trợ vốn, cơ sở hạ tầng khác để đầu tư cho quá trình thu hái, bảo quản sau thu hoạch nhằm đáp ứng đủ năng lực để tự mình xuất khẩu.

Đến nay, HTX chuối LaBa Banana Đạ K'Nàng và HTX Thương mại dịch vụ Laba Phú Sơn đang chuẩn bị xuất container thứ 9, dự kiến khoảng 20 tấn. Trước đó, 2 HTX này đã xuất khẩu từ 7-15 tấn chuối LaBa thông qua Công ty cổ phần đầu tư Chuối Việt; hiện đã đạt khoảng 100 tấn. ■



## SẢN PHẨM MỚI - CÔNG NGHỆ MỚI

### HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI Y TẾ BIOPACT

Mới đây, Công ty Cổ phần Khoa học công nghệ Petech đã nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thành công hệ thống xử lý nước thải y tế BioPact với công suất từ 1-6 m<sup>3</sup>/ngày.



BioPact phù hợp với các trạm y tế xã/phường, phòng khám đa khoa, phòng khám và điều trị nha khoa, cơ sở giải phẫu thẩm mỹ, nhà hộ sinh, nhà dưỡng lão... Nhờ cấu trúc modules tích hợp và gọn nhẹ, sản phẩm cũng có thể sử dụng cho các trạm y tế lưu động, trạm cấp cứu thiên tai dã chiến hoặc trạm chống dịch bệnh khẩn cấp. Về bản chất, hệ thống là sự kết hợp giữa công nghệ Modulair của Norweco (Mỹ) và BioFast-AAO (Anaerobic ammonium oxidation) giúp quá trình xử lý đạt hiệu quả cao, chi phí vận hành thấp. Đặc biệt, BioPact được tích hợp công nghệ "Smart Digital" của Nhật Bản nên không yêu cầu nhân công vận hành. Sản phẩm có 3 phiên bản, với các thông số kỹ thuật như sau:

STT	Thông số/Chỉ tiêu	M1500	M3000	M6000
1	Kích thước: m (rộng x dài x cao)	Nguyên khối: 1,1x1,3x2	Nguyên khối: 1,4x1,6x2,4	Nguyên khối: 2x2x2,4
2	Trọng lượng không tải đầu tài (kg)	500/2.000	1.000/4.000	1.800/8.000
3	Vật liệu	Thép không gỉ SU-304 và Hợp kim nhôm.	Thép không gỉ SU-304 và Hợp kim nhôm.	Thép không gỉ SU-304 và Hợp kim nhôm.
4	Thời gian lắp đặt, đưa vào sử dụng (phút)	60	120	180
5	Công suất tiêu thụ/ Dòng điện sử dụng	220 W; 220 V/50 Hz	400 W; 220 V/50 Hz	750 W; 220 V/50 Hz
6	Chi phí vận hành/1 m <sup>3</sup> sau xử lý (VNĐ) (QCVN28:2010/BTNMT)	12.000	10.000	9.000
7	Nhân công vận hành	Không	Không	Không
8	Công nghệ xử lý	AAO	AAO	AAO
9	Công nghệ điều khiển tự động	AI-4.0	AI-4.0	AI-4.0
10	Độ bền (năm)	20	20	20

Chi tiết xin liên hệ: Công ty cổ phần Khoa học công nghệ Petech. Số 146 Thành Thái, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh; Điện thoại: 028.3862 3668; Email: info@petechcorp.com.

### THIẾT BỊ BAY SIÊU NHẸ ỨNG DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP

Nhận thấy tầm quan trọng của các thiết bị bay không người lái, các kỹ sư thuộc Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực (Học viện Nông nghiệp Việt Nam) đã nghiên cứu, chế tạo thành công thiết bị bay siêu nhẹ ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.



Thiết bị có khả năng phun thuốc bảo vệ thực vật cho nhiều loại cây trồng ở nhiều địa hình khác nhau, gieo hạt, bón phân, theo dõi dịch hại, khảo sát địa hình..., giúp mang lại hiệu quả kinh tế cao trong sản xuất nông nghiệp nhờ giảm chi phí nhân công, tiết kiệm thuốc bảo vệ thực vật 30-40%; đảm bảo an toàn sức khỏe cho nông dân khi phun thuốc bảo vệ thực vật, giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất và nước. Kết quả thử nghiệm cho thấy, thiết bị dễ điều khiển, bảo trì, thay thế, sửa chữa.

Chi tiết xin liên hệ: Ngô Đăng Giáp - Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực, Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội; Điện thoại: 0912188182; Email: cungungnguồnnhannluc@vnua.edu.vn

### ỐNG NHỰA PP-R 2 LỚP CHỐNG TIA UV

Ống nhựa PP-R 2 lớp chống tia UV do Công ty cổ phần Nhựa Thiều niên Tiền phong sản xuất, có những tính năng ưu việt nhờ được thiết kế với lớp ngoài chống tia cực tím (UV) giúp ngăn chặn quá trình lão hóa, tăng tuổi thọ của ống; lớp trong chịu được nhiệt độ lên đến 95°C.

Ống không bị đóng cặn khi sử dụng, không gây độc hại, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Việc thi công nhanh chóng, tiết kiệm và thẩm mỹ do không cần sơn phủ, bao bọc và che chắn như các loại ống nhựa thông thường. Ống có thể sử dụng ngoài trời, dưới ánh nắng trực tiếp của mặt trời; sử dụng để cấp thoát nước nóng, lạnh trong các công trình dân dụng và công nghiệp hoặc sử dụng trong hệ thống điều hòa và sưởi ấm.

Chi tiết xin liên hệ: Công ty cổ phần Nhựa Thiều niên Tiền phong.

- Số 222 Mạc Đăng Doanh, phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng; Điện thoại: 0225.3813979; Fax: 0225.3813989; Website: nhuatienphong.vn.

- Lô C2, Khu công nghiệp Đồng An 2, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Điện thoại: 0274.3589544; Fax: 0274.3589418.



## TIN CẢNH BÁO TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO

### UGANDA

**Sản phẩm điều chỉnh:** phân bón hữu cơ, vô cơ

**Thông báo số:** G/TBT/N/UGA/927, ngày 10 tháng 10 năm 2018.

**Mô tả nội dung:** dự thảo tiêu chuẩn Uganda quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với phân bón hữu cơ - vô cơ.

**Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng:** thông tin người tiêu dùng, ghi nhãn; phòng chống các hành vi lừa đảo và bảo vệ người tiêu dùng; bảo vệ đời sống hoặc sức khỏe của động, thực vật; bảo vệ môi trường; đảm bảo các yêu cầu chất lượng và sự hài hòa.

**Thời gian dự kiến thông qua:** tháng 12/2018.

**Thời hạn dự kiến có hiệu lực:** sau khi có tuyên bố bắt buộc của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp và Hợp tác xã.

**Thời hạn góp ý:** 60 ngày kể từ ngày thông báo.

**Cơ quan chịu trách nhiệm:** Cơ quan Tiêu chuẩn quốc gia Uganda.

**Địa chỉ:** Hòm thư số 6329, Lô 2-12 ByPass Link Bweyogerere, Khu công nghiệp và Thương mại Kampala, Uganda.

**Điện thoại:** +256 (0) 417-333 250/1/2.

**Email:** info@unbs.go.ug .

### UGANDA

**Sản phẩm điều chỉnh:** nước

**Thông báo số:** G/TBT/N/UGA/924, ngày 08 tháng 10 năm 2018.

**Mô tả nội dung:** dự thảo tiêu chuẩn Uganda quy định phương pháp xác định các hợp chất hữu cơ có thể được sử dụng làm chất tẩy trong nước uống khi đun sôi dưới 200°C và ít hơn 2% hòa tan trong nước, bao gồm phạm vi nồng độ µg/L thấp đến nồng độ mg/L thấp. Phương pháp này được phát triển để phân tích nước uống và nhiều môi trường nước, nước thải, bao gồm việc phục hồi nồng độ của các hợp chất được thêm vào mẫu đại diện.

**Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng:** bảo vệ sức khỏe và an toàn con người; bảo vệ môi trường; đảm bảo sự hài hòa.

**Thời gian dự kiến thông qua:** tháng 12/2018.

**Thời hạn dự kiến có hiệu lực:** không áp dụng.

**Thời hạn góp ý:** 60 ngày kể từ ngày thông báo.

**Cơ quan chịu trách nhiệm:** Cơ quan Tiêu chuẩn quốc gia Uganda.

**Địa chỉ:** Hòm thư số 6329, Lô 2-12 ByPass Link Bweyogerere, Khu công nghiệp và Thương mại Kampala, Uganda.

**Điện thoại:** +256 (0) 417-333 250/1/2.

**Email:** info@unbs.go.ug.

### ISRAEL

**Sản phẩm điều chỉnh:** bia

**Thông báo số:** G/TBT/N/ISR/1027, ngày 31 tháng 10 năm 2018.

**Mô tả nội dung:** sửa đổi Tiêu chuẩn bắt buộc SI 407 về xử lý bia và đồ uống mạch nha tương tự. Sự khác biệt giữa các phiên bản cũ và dự thảo tiêu chuẩn sửa đổi mới gồm:

- Thay thế tất cả các phần chi tiết phụ gia thực phẩm được phép so với Quy định Y tế Công cộng của Israel (thực phẩm, phụ gia thực phẩm) 2001 (đoạn 2.1.2);

- Bổ sung yêu cầu về kích thước chữ cái tối thiểu trên nhãn. Những yêu cầu này khác với yêu cầu của SI 1145 về đối phó với việc dán nhãn thực phẩm đóng gói sẵn;

- Loại bỏ các yêu cầu về độ rõ ràng của bia; các yêu cầu cho khối lượng khai báo của sản phẩm;

- Thay đổi tên sản phẩm bia mạch nha thành thức uống mạch nha và thêm các loại đồ uống mới trong đó có bia.

**Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng:** thông tin tiêu dùng, ghi nhãn; phòng chống các hành vi lừa đảo và bảo vệ người tiêu dùng; bảo vệ sức khỏe hoặc an toàn con người.

**Thời gian dự kiến thông qua:** được xác định

**Thời hạn dự kiến có hiệu lực:** cả tiêu chuẩn cũ và tiêu chuẩn sửa đổi mới này sẽ được áp dụng khi tiêu chuẩn mới có hiệu lực trong thời gian 12 tháng. Trong thời gian này, sản phẩm có thể được kiểm tra theo tiêu chuẩn cũ hoặc mới sửa đổi.

**Thời hạn góp ý:** 60 ngày kể từ ngày thông báo.

**Cơ quan chịu trách nhiệm:** Điểm hỏi đáp WTO-TBT của Israel, Bộ Kinh tế và Công nghiệp.

**Điện thoại:** + (972) 3 7347501.

**E-mail:** Yael.Friedgut@economy.gov.il.



## CÁC TIÊU VƯƠNG QUỐC Ả RẬP THỐNG NHẤT

**Sản phẩm điều chỉnh:** mật ong

**Thông báo số:** G/TBT/N/ARE/447, ngày 02 tháng 10 năm 2018

**Mô tả nội dung:** dự thảo của UAE (các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất) quy định các yêu cầu kỹ thuật liên quan đến tất cả các loại mật ong được sản xuất từ ong mật gồm những thông tin giới thiệu về mật ong dành cho tiêu thụ trực tiếp.

Tiêu chuẩn này cũng gồm mật ong được đóng gói trong các thùng chứa số lượng lớn để bán, có thể được đóng gói lại thành các gói bán lẻ và không gồm mật ong dùng trong ngành công nghiệp (Baker's Honey).

**Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng:** thông tin người tiêu dùng, ghi nhãn; phòng chống các hành vi lừa đảo và bảo vệ người tiêu dùng; bảo vệ sức khỏe và an toàn cho con người.

**Thời gian dự kiến thông qua:** không xác định.

**Thời hạn dự kiến có hiệu lực:** không xác định.

**Thời hạn góp ý:** 60 ngày kể từ ngày thông báo.

**Cơ quan chịu trách nhiệm:** Cơ quan Tiêu chuẩn và Đo lường Emirates (ESMA).

**Điện thoại:** (+971) 2 403 2657.

**Fax:** (+971) 2 671 5999.

**E-mail:** uaetbt@esma.gov.ae.

**Trang web:** <http://www.esma.gov.ae>.

## MỸ

**Sản phẩm điều chỉnh:** cam, quýt

**Thông báo số:** G/TBT/N/USA/1404, ngày 25 tháng 10 năm 2018

**Mô tả nội dung:** Quy tắc này nhằm giải quyết các yêu cầu tối thiểu đối với cam và quýt, loại bỏ các yêu cầu về kích thước cho các loại thuộc họ cam và đơn giản các bản phác thảo yêu cầu về kích thước cho các lô hàng xuất khẩu quy định theo thứ tự tiếp thị cho cam, bưởi, quýt trồng ở Florida. Một thay đổi tương ứng sẽ được thực hiện đối với quy định nhập khẩu bưởi theo yêu cầu tại mục 8e của Luật Tiếp thị Nông nghiệp năm 1937.

**Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng:** thông tin người tiêu dùng, ghi nhãn.

**Thời gian dự kiến thông qua:** được xác định.

**Thời hạn dự kiến có hiệu lực:** được xác định.

**Thời hạn góp ý:** 19/11/2018.

**Cơ quan có trách nhiệm:** Cơ quan Dịch vụ Tiếp thị Nông nghiệp (AMS), Sở Nông nghiệp (USDA).

**Điện thoại:** (202)-720-8998.

**Email:** PA@ams.usda.gov.

## ISRAEL

**Sản phẩm điều chỉnh:** mút, thạch

**Thông báo số:** G/TBT/N/ISR/1028, ngày 31 tháng 10 năm 2018

**Mô tả nội dung:** sửa đổi tiêu chuẩn bắt buộc SI 34 về xử lý mút, mút cam, thạch trái cây; quy định sử dụng chất bảo quản và sát khuẩn. Tiêu chuẩn SI 34 được thay thế bằng SI 7296. Bản dự thảo sửa đổi tiêu chuẩn này dựa trên tiêu chuẩn Codex Alimentarius 296-2009 đối với mút, thạch và mút cam, với một vài thay đổi thể hiện trong phần tiếng Do Thái của tiêu chuẩn. Sự khác biệt chính giữa phiên bản cũ và dự thảo tiêu chuẩn sửa đổi mới này như sau:

- Giảm hàm lượng trái cây cần thiết bằng việc thêm đường (đoạn 3);

- Bổ sung một tham chiếu đến Quy định Y tế Công cộng của Israel (thực phẩm, phụ gia thực phẩm) 2001 (khoản 4);

- Bổ sung về biện pháp xử lý các chất gây ô nhiễm (đoạn 5);

- Bổ sung biện pháp xử lý vệ sinh, các yêu cầu về vi sinh và các phương pháp thử (đoạn 6);

- Xác định các phương pháp ghi nhãn về các nội dung liên quan trái cây và các loại nước ép trái cây cô đặc (đoạn 8);

- Thay đổi các phương pháp thử (đoạn 9).

**Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng:** thông tin, ghi nhãn người tiêu dùng; bảo vệ sức khỏe hoặc an toàn con người.

**Thời gian dự kiến thông qua:** được xác định.

**Thời hạn dự kiến có hiệu lực:** 1 năm sau khi đăng Công báo Israel, Mục Thông báo của Chính phủ.

**Thời hạn góp ý:** 60 ngày kể từ ngày thông báo.

**Cơ quan chịu trách nhiệm:** Điểm hỏi đáp WTO-TBT của Israel, Bộ Kinh tế và Công nghiệp

**Điện thoại:** + (972) 3 7347501.

**E-mail:** Yael.Friedgut@economy.gov.il.



## TƯ DUY DỰA TRÊN RỦI RO TRONG ISO 9001:2015 GIÚP NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG

Phòng Phát triển Năng suất - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Tư duy dựa trên rủi ro trong ISO 9001:2015 là sự thiết yếu để đạt được tính hiệu lực của hệ thống quản lý, nâng cao năng suất, chất lượng cho doanh nghiệp.

Các tiêu chuẩn do ISO (Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế - International Organisation for Standardisation) ban hành đều bắt đầu với chữ ISO. Tổ chức này là Liên hiệp các Tổ chức tiêu chuẩn quốc gia (gồm 163 thành viên) hoạt động nhằm thúc đẩy sự phát triển sản xuất, thương mại và liên lạc trong các tổ chức kinh doanh trên toàn thế giới thông qua phát triển các tiêu chuẩn chất lượng chung.

ISO 9001 là hệ thống quản lý chất lượng cơ bản có thể được sử dụng trong mọi ngành, nghề với mọi quy mô ở bất cứ nơi đâu trên thế giới. Bộ tiêu chuẩn ISO 9001 được xây dựng từ năm 1955 dưới dạng các tiêu chuẩn về chất lượng trong quân đội; đến năm 1979, Viện Tiêu chuẩn Anh ban hành tiêu chuẩn BS 5750 - là tiền thân của ISO 9000. Năm 1987, bộ ISO 9000 chính thức được ban hành với tên gọi là Kiểm soát chất lượng; được đổi tên thành Hệ thống đảm bảo chất lượng vào năm 1994. Đến năm 2000, bộ ISO 9000 được sửa đổi, nâng cấp phương pháp quản lý và có tên gọi Hệ thống quản lý chất lượng sử dụng đến nay. Qua quá trình rà soát, sửa đổi và cập nhật, phiên bản ISO 9000 đã thay đổi thành ISO 9001:2008 vào năm 2008; đến 15/9/2015, phiên bản thứ 5 của ISO 9001, ISO 9001:2015 đã được ban hành và có những thay đổi quan trọng. Trong tiêu chuẩn quốc tế này, khuyến khích việc vận dụng cách tiếp cận theo quá trình khi triển khai, thực hiện và cải tiến tính hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng, nâng cao sự hài lòng của khách hàng thông qua đáp ứng các yêu cầu của khách hàng.

Quản lý các quá trình và hệ thống như một tổng thể có thể đạt được bằng cách sử dụng chu trình PDCA, trong đó tập trung vào tư duy dựa trên rủi ro nhằm tận dụng cơ hội và ngăn ngừa các kết quả không mong muốn.

Tư duy dựa trên rủi ro là yếu tố thiết yếu để đạt được tính hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng. Khái niệm tư duy dựa trên rủi ro đã được ngầm định trong các phiên bản trước đó, gồm: thực hiện các hành động phòng ngừa để loại bỏ sự không phù hợp tiềm ẩn, phân tích bất kỳ sự không phù hợp xảy ra và hành động để ngăn ngừa sự tái diễn, phù hợp với các tác động của nó.

Để đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc tế này, tổ chức cần lập kế hoạch, thực hiện các hành động để giải quyết các rủi ro và cơ hội. Việc giải quyết những rủi ro và cơ hội sẽ tạo cơ sở để tăng tính hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng, đạt được kết quả cải thiện và ngăn ngừa các tác động tiêu cực.

- Cơ hội có thể phát sinh như là kết quả của một tình huống thuận lợi để đạt kết quả mong muốn như hoàn cảnh cho phép các tổ chức để thu hút khách hàng, phát triển sản phẩm và dịch vụ mới, giảm lãng phí hoặc cải tiến năng suất. Các hành động để giải quyết các cơ hội cũng có thể gồm việc xem xét các rủi ro liên quan.

- Rủi ro là ảnh hưởng của sự không chắc chắn và bất kỳ sự bất định nào có thể tác động tích cực hay tiêu cực. Sự chệch hướng tích cực phát sinh từ một rủi ro có thể phát sinh một cơ hội, nhưng không phải tất cả các ảnh hưởng của rủi ro đều mang tính tích cực.

Có thể nói, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng là quyết định chiến lược của tổ chức, qua đó có thể cải tiến kết quả hoạt động tổng thể, cung cấp nền tảng vững chắc cho các sáng kiến phát triển bền vững; giúp các tổ chức, doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng. ■

### HỘP THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học và công nghệ phục vụ doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ xuất bản định kỳ **Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng** (4 số/năm, 24 trang/số).

Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các tác giả, sự quan tâm của các đơn vị, doanh nghiệp và bạn đọc.

**Địa chỉ liên hệ:** **Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng**

Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ  
Số 35 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt. Điện thoại: 0263. 3545479 - 3833163  
Email: [trungtamthongtinld@gmail.com](mailto:trungtamthongtinld@gmail.com)



## GẦN 20.000 TIÊU CHUẨN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

Các tiêu chuẩn quản lý chất lượng được ban hành giúp cho các cơ quan quản lý thuận lợi hơn trong việc giám sát, quản lý chất lượng và kiểm soát chặt chẽ hoạt động của doanh nghiệp.

Hiện nay, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đang là đơn vị đầu mối tổ chức triển khai thực hiện công tác tiêu chuẩn, phối hợp cùng các bộ, ngành, địa phương và các đơn vị trực thuộc xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm, hàng hóa. Tổng cục cũng chủ động xây dựng kế hoạch, định hướng, hướng dẫn, hỗ trợ cho các bộ, ngành rà soát, sửa đổi, xây dựng mới các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Đại diện Viện Tiêu chuẩn Chất lượng đã chia sẻ, cơ quan đang nỗ lực trong các hoạt động xây dựng tiêu chuẩn để phục vụ tốt hơn trong công tác quản lý chất lượng.

Tính từ năm 1962 đến nay, đã có gần 20.000 tiêu chuẩn quốc gia được công bố; trong đó, năm 2018, ban hành khoảng 800 tiêu chuẩn quốc gia. Từ khi các tiêu chuẩn được ban hành, việc quản lý, giám sát, kiểm tra chất lượng trở nên dễ dàng hơn, doanh nghiệp có thể tự kiểm soát được quy trình sản xuất của mình dựa theo các yêu cầu của tiêu chuẩn.



Ngoài ra, việc ban hành tiêu chuẩn quản lý chất lượng giúp các doanh nghiệp xây dựng thương hiệu và tự khẳng định được mình.

Áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng đúng quy định trong sản xuất sẽ giảm rủi ro lỗi sản phẩm, thu hồi sản phẩm. Bên cạnh đó, áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng vào quá trình sản xuất sản phẩm, hàng hóa giúp tăng cơ hội lưu thông hàng hóa của Việt Nam vào thị trường quốc tế. ■

## DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CÀ PHÊ ĐƯỢC CHỨNG NHẬN UTZ (TÍNH ĐẾN 31/9/2018)

STT	Tên Công ty	Nông hộ	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)
1	Công ty TNHH Olam Lâm Đồng	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
2	Công ty Acom Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
3	Công ty cổ phần Xuất Nhập khẩu Cà phê Đà Lạt	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
4	Công ty TNHH Louis Dreyfus Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
5	Công ty TNHH Olam Lâm Đồng	360	975,2	3.559,5
6	Công ty TNHH Hồ Phương	408	509,0	1.832,8
7	Công ty TNHH Như Tùng	477	1.074,0	4.858,2
8	Công ty cổ phần Mascopex tại Lâm Đồng	131	305,0	938,0
9	Công ty Mercafe Việt Nam	259	646,8	1.785,3
10	Công ty TNHH Thương phẩm Atlantic Việt Nam (ACOM)	799	1.981,6	6.827,8
11	Công ty TNHH Comercial Exportadora Việt Nam	167	441,1	1.976,2
12	Công ty TNHH Louis Dreyfus Commodities Việt Nam - Di Linh	2.491	4.277,3	14.983,9
13	Công ty TNHH Louis Dreyfus - Tà Nung	373	651,9	1.349,0
14	Công ty TNHH Cà phê Hân Vinh	173	456,1	1.777,4
15	Công ty cổ phần Intimex Bảo Lộc	2.143	4.329	16.778
<b>TỔNG</b>		<b>7.781</b>	<b>15.647</b>	<b>56.666</b>





## DANH MỤC CÔNG NGHỆ KHUYẾN KHÍCH CHUYỂN GIAO (tiếp theo)

(Theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)

### Công nghệ khuyến khích chuyển giao

71. Công nghệ truyền tin sử dụng sóng thủy âm, định vị dưới sông, biển (sonar) phục vụ khai thác tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ lãnh hải, cứu hộ, cứu nạn.
72. Công nghệ tiên tiến phục vụ đo đạc và lập bản đồ địa hình đáy biển.
73. Công nghệ tiên tiến phục vụ nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên dưới đáy biển.
74. Công nghệ tiên tiến sản xuất các thiết bị tự hành trên sông, biển hoặc dưới biển.
75. Công nghệ tiên tiến trong thi công công trình biển, công trình ngập trong nước; sản xuất bê tông từ cát, nước biển.
76. Công nghệ cắt, hàn dưới nước.
77. Công nghệ chế tạo thiết bị điều chỉnh tự động từ xa (nhiệt độ, áp suất, điện áp, lưu lượng, vòng quay) trên tàu thủy.
78. Công nghệ chế tạo nghi khí hàng hải cho tàu thủy và công trình biển.
79. Công nghệ tự động hóa trong chẩn đoán và điều trị, sản xuất dược, trang thiết bị y tế.
80. Công nghệ nuôi cấy sinh khối tổng hợp các chất có hoạt tính sinh học giá trị cao.
81. Công nghệ tiên tiến sản xuất vắc-xin, sinh phẩm y tế.
82. Công nghệ sản xuất thuốc mới, biệt dược gốc, thuốc generic, thuốc điều trị bệnh hiểm nghèo, bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm.
83. Công nghệ gen và công nghệ di truyền sản xuất các chế phẩm dùng chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh tật.
84. Công nghệ trong kiểm nghiệm dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền.
85. Công nghệ tiên tiến chiết xuất các hoạt chất hữu ích từ nguyên liệu nông, lâm, thủy, hải sản, dược liệu, vi sinh vật phục vụ cho các ngành, lĩnh vực.
86. Công nghệ sản xuất chế phẩm enzym.
87. Công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh vật có nguồn gốc bản địa, có hoạt tính sinh học tốt, an toàn, ứng dụng cho các sản phẩm lên men.
88. Công nghệ sản xuất các chế phẩm sinh học thay thế kháng sinh trong chăn nuôi.
89. Công nghệ nông nghiệp chính xác (Precision Agriculture).
90. Công nghệ sấy thóc siêu tốc dùng môi chất sấy nhiệt độ cao.
91. Công nghệ tiên tiến sản xuất thức ăn phục vụ chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản sử dụng protein, enzym, vi sinh vật đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.
92. Công nghệ tiên tiến chế biến, bảo quản nguyên liệu, phụ gia phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản không sử dụng hóa chất.
93. Công nghệ sản xuất phân bón thế hệ mới có hiệu quả sử dụng cao hơn (tối thiểu 10%), ít tác động tiêu cực đến môi trường đất, nông sản so với phân bón phổ biến cùng loại, cùng thời điểm trên thị trường.
94. Công nghệ nuôi nhân tế bào và tế bào gốc côn trùng phục vụ sản xuất thuốc sinh học bảo vệ thực vật virus.
95. Công nghệ sinh lý và sinh hóa côn trùng.
96. Công nghệ tiên tiến trong chọn tạo, nhân giống cây trồng, vật nuôi, thủy - hải sản năng suất, chất lượng cao, có sức kháng bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu.
97. Công nghệ sản xuất giống, nuôi cá ngừ đại dương, tôm hùm, san hô.
98. Công nghệ sản xuất giống tôm sú, tôm chân trắng bố, mẹ sạch bệnh.
99. Công nghệ sinh học trong giám định, chẩn đoán, phòng ngừa và điều trị sinh vật hại cho cây trồng, vật nuôi.
100. Công nghệ sản xuất các bộ KIT chẩn đoán nhanh bệnh hại cây trồng và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật hóa học trong nông sản thu hoạch.
101. Công nghệ tiên tiến bảo quản và chế biến sản phẩm nông nghiệp, thủy - hải sản quy mô công nghiệp theo chuỗi giá trị (gồm cả khai thác, chế biến phụ phẩm nông nghiệp và thủy sản).
102. Công nghệ chế biến gỗ và lâm sản đạt tiêu chuẩn các nước, vùng lãnh thổ có công nghệ tiên tiến, phát triển (châu Âu, Mỹ, Nhật Bản...).
103. Công nghệ chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp, thủy sản đem lại giá trị gia tăng cao (từ 15% trở lên).



104. Công nghệ CAS (Cells Alive System) bảo quản nông sản, thực phẩm quy mô công nghiệp.

105. Công nghệ biến tính gỗ, nano, sấy sinh thái, ngâm, tẩm thân thiện với môi trường để bảo quản gỗ, nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

106. Công nghệ bảo quản lạnh trứng, tinh trùng, hợp tử động vật.

107. Công nghệ cấy truyền phôi.

108. Công nghệ gen/ADN phục vụ cho quản lý, bảo tồn động, thực vật, đa dạng sinh học.

109. Công nghệ lưu giữ, bảo tồn, sản xuất giống và nuôi các loài thủy sản bản địa quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng.

110. Công nghệ điều khiển thời gian ra hoa, kết trái và thu hoạch của các loại cây trồng.

111. Công nghệ tự động hóa quá trình chăn nuôi, trồng trọt và thu hoạch các sản phẩm nông nghiệp.

112. Công nghệ mới, tiên tiến trong sản xuất quy mô công nghiệp các loại nguyên, vật liệu phụ trợ: keo dán, sơn phủ bề mặt, phụ kiện cơ khí, chế tạo máy và thiết bị.

113. Công nghệ vật liệu mới trong tạo vỏ bầu tự hủy, ruột bầu ươm cây giống.

114. Công nghệ phát hiện sớm túi nước, túi khí  $C_nH_{2n+2}$ .

115. Công nghệ tưới tiết kiệm nước, bổ sung dinh dưỡng, vi lượng, điều khiển tự động.

116. Công nghệ xử lý nước biển thành nước ngọt công suất trên 2.000 lít/giờ.

117. Công nghệ sản xuất nguyên liệu in 3D.

118. Công nghệ chế tạo các vật liệu composite dạng dẻo, bimetal, thrimetal.

119. Công nghệ sản xuất sợi, vải carbon và các loại sợi gia cường composite.

120. Công nghệ sản xuất chất lỏng thủy lực, chất lỏng gia công kim loại thân thiện môi trường.

121. Công nghệ sản xuất bao bì dễ phân hủy, an toàn, thân thiện môi trường.

122. Công nghệ tái chế tiên tiến và tái sử dụng chất thải.

123. Công nghệ sản xuất vật liệu, chế phẩm xử lý ô nhiễm môi trường.

124. Công nghệ xử lý, tái chế chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp kết hợp thu hồi năng lượng, không sinh ra phụ phẩm, chất thải độc hại.

125. Công nghệ thu gom, lưu giữ và xử lý an toàn các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POPs).

126. Công nghệ xử lý, tái sử dụng nước thải công nghiệp không sinh ra chất độc hại.

127. Công nghệ cải tạo, phục hồi môi trường, hệ sinh thái bị ô nhiễm và suy thoái môi trường nghiêm trọng; ứng phó và khắc phục sự cố môi trường.

128. Công nghệ chế tạo thiết bị xử lý nước và môi trường quy mô nhỏ, áp dụng cho các khu vực dân cư miền núi, vùng ven biển và vùng ngập mặn.

129. Công nghệ tự động hóa trong kiểm soát, xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản thâm canh và siêu thâm canh.

130. Công nghệ thiết kế, chế tạo hệ thống giám sát khí thải độc hại từ xa bằng phương pháp phổ hồng ngoại (FTIR).

131. Công nghệ thu hồi và lưu giữ carbon.

132. Công nghệ làm sạch biogas.

133. Công nghệ quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường, đa dạng sinh học.

134. Công nghệ đo đạc các yếu tố khí tượng thủy văn.

135. Công nghệ tự động hóa truyền dữ liệu khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu đến người dùng.

136. Công nghệ giám sát, cảnh báo các hiện tượng thời tiết nguy hiểm.

137. Công nghệ giám sát, đo đạc phát thải nhà kính.

138. Công nghệ chế tạo các thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn tự động và truyền tin thời gian thực.

139. Công nghệ tiên tiến phục vụ dự báo bão, lũ, động đất, sóng thần và các hiện tượng thiên tai khác.

140. Công nghệ tác động vào thời tiết.

141. Công nghệ tiên tiến trong lưu giữ, bảo quản, phục chế tài liệu, hiện vật bảo tàng.

142. Công nghệ sản xuất thang máy điện có vận tốc trên 2,5 m/s.

143. Các công nghệ hiện đại hóa ngành, nghề truyền thống. ■

# XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

(Theo Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018  
quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa)

## Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa

Doanh nghiệp nhỏ và vừa được phân theo quy mô bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa.

1. Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.

Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.

2. Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 20 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 50 người và tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 50 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

## Xác định lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào quy định của pháp luật về hệ thống ngành kinh tế và quy định của pháp luật chuyên ngành.

Trường hợp hoạt động trong nhiều lĩnh vực, doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào lĩnh vực có doanh thu cao nhất. Trường hợp không xác định được lĩnh vực có doanh thu cao nhất, doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào lĩnh vực sử dụng nhiều lao động nhất.

## Xác định tổng nguồn vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Tổng nguồn vốn được xác định trong bảng cân đối kế toán thể hiện trên Báo cáo tài chính của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm, tổng nguồn vốn được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm cuối quý liền kề thời điểm doanh nghiệp đăng ký hưởng nội dung hỗ trợ.

## Xác định số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm của doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội là toàn bộ số lao động do doanh nghiệp quản lý, sử dụng và trả lương, trả công tham gia bảo hiểm xã hội theo pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm được tính bằng tổng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội của năm chia cho số tháng trong năm và được xác định trên chứng từ nộp bảo hiểm xã hội của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm, số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân được tính bằng tổng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội của các tháng hoạt động chia cho số tháng hoạt động.

## Xác định tổng doanh thu của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Tổng doanh thu của năm là tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp và được xác định trên Báo cáo tài chính của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm hoặc trên 01 năm nhưng chưa phát sinh doanh thu thì doanh nghiệp căn cứ vào tiêu chí tổng nguồn vốn quy định tại Điều 9 Nghị định này để xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa.

# GIỐNG HOA THUỘC DƯỢC

Thuộc Dự án nhập khẩu, mua bản quyền giống rau, hoa năm 2017  
tại Quyết định số 703/QĐ-SNN ngày 27/10/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNN tỉnh Lâm Đồng

